

VĂN-HỌC

TẠP CHÍ

CƠ QUAN CHUYÊN KHẢO, CỨU, BÀN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI VỀ QUỐC-VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^o VÀ 15.

Revue Littéraire paraissant le 1^{er} et le 15 de chaque mois

MỤC LỤC

1 — Cái thiên chức của nhà thi sĩ	297
2 — Cái kỳ tài của hai ông vua tiểu thuyết: <i>Walter Scott</i> và <i>Edgar Walance</i>	301
3 — Thi văn ái quốc đời Trần	304
4 — Bận nữ thần dân giải	308
5 — Đọc văn tiền bối	312
6 — Văn tuyển chú giải	316
7 — Những truyện lý thú trên đàn văn thuyền ai đậu bến Cô Tô	328
8 — Vui cười	332
9 — Sách, báo mới	332
10 — Mũi tên độc (tiểu thuyết đường rừng)	333
11 — Hoa lư kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết)	337
12 — Tự học tiếng Quan thoại	341
13 — Tự học tiếng Ăng-lê	347
14 — Việt Hán Pháp từ điển	349

CHỦ - BÚT: Dương - Bá - Trạc — CHỦ - NHIỆM: Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông — Hanoi

GIẤY NÓI : 766

Giá bán : một năm : 4\$00 — nửa năm : 2\$10 — mỗi số : 0\$18

En vente à la librairie DONG - TAY

193, Rue du Coton — Hanoi. Tél. 766

Lectures littéraires sur l'Indo-chine par EUGÈNE PUJARNISCLE et DƯƠNG-QUANG-HAM (*Ouvrage adopté*) . . . 1\$20
Recueil des morceaux choisis des meilleurs auteurs indochinois accompagnés de notes explicatives, des questions portant sur la langue et le style suivis de notices sur les auteurs

Leçons d'Histoire d'Annam par DƯƠNG-QUANG-HAM 4^e édition . . . 0\$80
Ouvrage adopté et à l'usage des élèves des cours Moyen et Supérieur des Ecoles franco-annamites.

Quốc văn trích diễm par DƯƠNG-QUANG-HAM (*Ouvrage adopté*), 3^e édition . . . 0\$85
Textes choisis d'explication annamite à l'usage des élèves des écoles normales et primaires supérieures

Quốc văn sơ học đọc bản par DƯƠNG-BÁ-TRẠC et NGUYỄN-ĐỨC PHONG (*Ouvrage adopté*) 2^e édition . . . 0\$65
Lectures annamites choisies et expliquées à l'usage des cours Moyen et Supérieur des Ecoles franco-annamite.

Văn văn bách tuyển par DƯƠNG-TỰ-QUÁN (*Ouvrage adopté*) 4^e édition . . . 0\$35
Recueil de cent morceaux choisis de Récitation annamite accompagnées de notes explicatives, de questions suivis de notices sur les auteurs.

Kính thuốc



Nhà **TINH - KY**,
84 - 86, Phố Đầu-Cầu
(Avenue Paul Doumer)
HAIPHONG.

Chuyên buôn các thứ
kính thuốc - cận thị,
viễn - thị và dưỡng
mục. Nhiều kiểu gọng
rất đẹp. Có thợ khoan
và mài mắt kính.

Bán buôn và bán lẻ
giá rất hạ



Một quyển sách nhà nào cũng cần phải có. ấy là cuốn

NAM NỮ TU TRI

Trong có những mục như :

TỔNG LUẬN VỀ NAM NỮ ÁI TÌNH VÀ Ý NGHĨA SỰ GIAO-HỢP — CÁCH ĐỀ PHÒNG KHI XUÂN TÌNH PHÁT ĐỘNG. Kinh nguyệt. NHỮNG ĐIỀU CON TRAI NÊN CHÚ Ý ĐÊM HÔN MỜI CƯỚI, TRẠNG HUỐNG KHI THỤ THAI. Nguyên nhân thành thai, kết thành nam thai hay nữ thai. Những nguyên nhân có con và cách chữa cho có con Hôn nhân vệ sinh, những điều đàn bà sắp đẻ nên biết v. v.

Sách dày gần 100 trang giá 0\$25

Ở xa gửi thêm cước đảm bảo 0\$13, cước thường 0\$03 Có thể gửi bằng timbres postes cũng được, cứ đề
Đông-Tây Ấn-quán 193, phố hàng Bông. HANOI



hotel

TAM-KY

KHÁCH LÂU

N° 7 à 27 BOULEVARD GALLIÉNI

N° 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

N° 165 à 171 & 178 à 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ - MÁT MỀ VÀ SẠCH SẼ



CHỦ NHƠN : Huỳnh-huệ-Ký

Ai muốn biết những sự kỳ-quan trong vũ-trụ?

Ai muốn học nghề bằng những khoa-học có ích cho người Việt-Nam.

NÊN XEM :

KHOA-HOC TAP-CHI

TIÊU THUYẾT NÊN ĐỌC

1. Bề trần chìm nổi
(Gia đình tiểu thuyết) giá 0\$12
 2. Giời có mắt
(Luân lý tiểu thuyết), giá 0\$12
 3. Cũng bạn thoa quần
(Cảnh thế tiểu thuyết) giá 0\$12
 4. Cảnh thu di hận
(Hiệp tình tiểu thuyết) giá 0\$50
 5. Thói đời đơn bạc
(Trình thám tiểu thuyết) giá 0\$38
 6. Học làm sang
(Hài kịch của Thái-Phỉ) giá 0\$25
- Có bán ở ĐÔNG-TÂY ẤN-QUÁN
193, Phố hàng Bông — Hanoi
Mua cả 6 quyền gửi bằng timbres
postes cũng được, cước chung 0\$65

CÔNG VIỆC NHÀ BĂNG

Một quyển sách rất có ích cho các nhà buôn bán, cá nhà kỹ-nghệ, các nhà kế-toán, các tư-gia và các học-trò
CỦA DƯƠNG TỰ NGUYÊN SOẠN

Trong có những mục :

- 1.) Đại ý về nghề nhà băng. — 2. Phân biệt các nhà băng. — 3. Cách tổ-chức của các nhà băng ngày nay. — 4. Nhận tiền của người khác gửi. — 5. Cách dùng séc. — 6. Chờ vay. — 7. Giấy giao kèo đổi bạc. — 8. Trả tiền hộ cho người khác ở nơi xa. — 9. Giấy tín nhậm để lĩnh tiền du lịch. — 10. Giấy tín-nhậm để lĩnh tiền hàng. — 11. Mua các thương-phieu — 12. Phát hành giấy bạc. — 13. Đổi bạc các nước. — 14. Nhận mua và bán các trái phiếu và cổ phần. — 15. Nhận gửi các đồ quý trọng và cho thuê tu sát. — 16. Hỏi hộ các tin tức. — 17. Cách tính lãi — 18. Cách khấu lãi các thương phiếu. — 19. Cách lập sổ lưu trữ hằng ngày. — 20. Biều liệt kê những tiền các nước và biều tính lãi.

SÁCH DÀY 262 TRANG, ĐÓNG BÌA VẢI THẬT ĐẸP.

GIÁ \$1.50 — CƯỚC GỬI \$0.25

Bán tại Đông Tây Ấn Quán, 193, Phố hàng Bông, Hanoi
Nam Tân, 84, BOULEVARD BONNAL, HAIPHONG

CAO CHỮA RĂNG

堂 玉 海 膏 齒 固

Tục-ngữ có câu : « Thứ nhứt đau mắt, thứ nhì nhức răng », nhức răng tuy là một bệnh thường, nhưng người có bệnh ấy đau đớn khó chịu, mất ăn mất ngủ, cũng đáng ghê lắm vậy.

Chúng tôi gần đây bị nhức răng, ngứa răng, lung-lay cả chân răng, mới ra công khảo-cứu, chế được một thứ cao xia vào răng, không những khỏi nhức khỏi ngứa mà thôi, mà chân răng lại thấy vững chắc như trước, chúng tôi lấy làm mừng rỡ vô cùng. Bà con mua dùng, ai cũng khen là thần-hiệu. Vậy ngài nào muốn dùng thứ cao ấy xin gửi cho 35 xu tem (timbres postes) — 15 xu cao và 20 xu cước bảo-đảm (recommandé) — chúng tôi xin gửi cao tới ngay.

Nay kính cáo.

HẢI-NGỌC-ĐƯỜNG.

Thư gửi cho :

Mr Nguyễn-huy-Cừ

TÚ - TÀI, LÀNG HOẰNG - NGHĨA,
PHỦ HOẰNG-HÓA, TỈNH THANH-HÓA
(ANNAM)

VĂN - HỌC TẬP - CHÍ

CÁI THIÊN CHỨC của nhà thi - sĩ

Có nhiều người cho các nhà thi sĩ là một phường vô dụng, các thi - ca của họ là một sự phù hoa không bổ gì cho nhân loại, mà lại làm hại tâm hồn những kẻ ngâm đọc là khác nữa ! Các người đó thường hay đem câu chuyện ông Platon đuổi các thi-sĩ(1) ra làm bằng chứng cho câu khinh miệt trên kia. Thế thật ! Lời mai mỉa nọ có phần đúng song chỉ đúng với những con người thô thiển sống trong vòng vật chất ty tiện, trong trường nhục dục dè hèn, đôi con mắt bao giờ cũng cúi xuống đất, chớ chẳng khi nào ngảnh mặt nhìn vũ trụ bao la man mát.



(1) Ông Platon khi đuổi các nhà thi sĩ ra khỏi dân - quốc, cung - kính dâng thưởng hoa. Nhiều người kể chuyện « Platon đuổi thi sĩ » thường quên quăng thưởng hoa, mà quăng đó lại là quan trọng như. Chính Platon cũng đã biết các thi - sĩ là những người cốt cách thần tiên đáng kính vậy.

Cái văn - minh của xã - hội loài người là cái văn - minh duy vật chỉ chuộng những chủ nghĩa duy kỷ thành thử thế giới từ xưa đã bao phen đắm trong những cảnh tượng gớm ghiếc về kinh - tế và lý tài. Đã cực lực sống về vật chất, tất phải cực lực cạnh tranh đã cạnh tranh thì thế nào cũng có chiến tranh. Máu đồ thân phơi, thịt tan xương nát, những thảm trạng của cỗ kim đã làm ta rợn tóc rùng mình mấy độ ?

*Trăm năm còn có gì đâu,
Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì.*

Bao nhiêu những danh vọng lấy được bằng mũi gươm hòn đạn, mà đời tự cho là vẻ vang, bao nhiêu những quyền thế được bởi sự gian tà hiểm độc mà đời đã tự mãn, bao nhiêu những của cải thâu về bằng cách lừa đảo, tham tàn mà đời vẫn xưa nay ao ước, tất cả những cái đó đâu ta có ngộ nhận rằng có thực đi nữa, nó vẫn là hư không và giả dối mà thôi !

Sống ở trong vòng tiền bạc, trong cái đời chỉ ham danh mộ tước, trong cái đời lạnh lẽo khô héo, tàn - ác độc dữ ấy, nếu loài người không được trời xanh sinh ra một hạng người, đem cái tinh thần, như hoa đẹp, như lá xanh, như gió xuân, như hương ngát pha vào cái phong vị nồng nàn những hơi « đồng », lạnh - lùng những sát khí, thì đời còn ra sao nữa ? Nhà bác học chế ra máy móc, phát minh và tìm tòi những lẽ bí hiểm của trời đất, nhà học giả nghiên cứu những lý thuyết, có quan hệ mật thiết với sự sinh-hoạt của nhân loại, ai cũng có công cả, còn nhà thi - sĩ thì có sinh sản được gì không ? Xin trả lời rằng có ! Nhà thi-sĩ, không phát minh ra « hơi ngát », không nghiên cứu lý thuyết « đối địch », song đã sinh sản ra tự sống, một cái sáng chế tối cao thượng mà cũng rất có nhân đạo nữa. Nhà thi - sĩ lấy lời văn đẹp cho ta thêm sự can đảm để

sống ở đời, lấy giọng êm đềm an ủi ta, nâng cao ta lên khỏi cái cuộc đời hư ảo tầm thường, lấy sợi giây văn chương buộc tâm sự ta với vạn vật, với vũ - trụ bao la, với hằng hà thế giới, với hết thảy những sự thiêng liêng của thời - gian và không - gian, rồi đem ta tới một nơi bấy nay mơ tưởng.



Các nhà thi sĩ là những người mẹ có thiên chức nuôi những tấm lòng hy-vọng của loài người, giữ gìn sự sống của loài người đó ! Thật vậy, chúng ta dù tục tới đâu trong tâm linh cũng có một « điểm nên thơ » bả ta mơ màng khát khao những cái đẹp, cái hay, những cảnh thần tiên, những tình âu - yếm, nhưng rủi thay trên thế lộ chúng ta nay gặp nhiều cảnh trái - ngược, nhiều sự gian nan, phá tan nghị lực của ta, giam hãm ta trong cảnh thối chí, trong chốn ngã lòng ! Lúc ấy ta ngâm một bài thơ hay thì tức khắc thần hy-vọng trước mắt nay lại về cùng ta, đem cho ta một thế giới khác cái thế giới trước mắt ; đầy những cảnh tượng tươi tốt làm quên hẳn những nỗi sầu thảm mà ta vừa qua vừa chịu.

*Thôi làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.*



Các thi-sĩ lại là một ông thầy rèn tập nhân cách của ta nữa ! Quay cuồng trong vòng danh lợi, quanh năm suốt tháng chỉ nghĩ việc ganh đua vì một lợi nhỏ, chúng ta đã nhiều lần làm cho tư tưởng hẹp lại thấp đi, có khi hơn cách cũng vì thế phải hao mòn, phải kém sút, nay được ngâm một bài thơ, có nhiều lý tưởng siêu việt, tình tình thanh nhã, thì tâm hồn tức khắc bỏ dứt được mấy sự nhỏ nhen hèn thấp đó ngay.

Gót danh lợi bùn pha sắc xam.
 Mặt phong trần nắng nhám mùi nâu.
 Nghĩ thân phù thế mà đau,
 Bọt trong bể khổ bèo dầu bến mê.



Các thi-sĩ lại là một ông quan thầy đã vì ta mà
 bào chế những món thuốc dùng để di dưỡng tinh-
 tình, để làm cho cái cuộc đời của ta thêm thú-vị,
 thêm sung sướng.

Thật thế, nhiều khi bị đời làm ngao ngán, làm tinh
 tình của ta phải khô khan, làm tâm hồn ta phải đau
 mệt, tưởng cõi trăm năm chẳng có gì đáng cho ta
 vui nữa, vậy mà khi ta ngâm mấy câu thơ tuyệt tác,
 ta thấy khoan-khoái, như đã trẻ lại, đã uống một thứ
 linh đơn bất tử nào làm cõi lòng được mát mẻ sáng
 khoái rồi ta lại muốn sống để uống cho cạn ly rượu
 trên tiệc thế chưa tàn.

Chộp-chòn cơn tỉnh cơn mê.
 Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chốn khôn.
 Bóng tà như dục cơn buồn,
 Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.
 Dưới dòng nước chảy trong veo,
 Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.



Đây là dạ khái cái thiên chức tối cao thượng của
 nhà thi sĩ, một hạng người rất đáng yêu đáng quý của
 nhân loại, có quan hệ mật thiết đến cuộc sanh-hoạt
 của xã-hội, đến sự sống của dân gian, đến cuộc đời
 êm đẹp của chúng ta vậy.

BĂNG - DƯƠNG

CÁI KỸ-TÀI CỦA HAI ÔNG VUA TIỂU-THUYẾT

Walter Scott và Edgar Wallace

Walter Scott là một nhà viết tiểu-thuyết trứ-danh ở xứ Ecosse (Anh), sinh năm 1771 tại Edimbourg và chết năm 1832 tại Abbotsford. Đầu hết ông ra chào đời với nghề ngâm vịnh và có xuất-bản mấy tập thơ như « le Lai du dernier ménestrel », « la Dame du lac », vân, vân, được công chúng hoan - nghinh lắm.

Sau ông lại ngã qua nghề viết tiểu-thuyết và chính nhờ nghề ấy mà ông đã trở được hết cái thần tài để dựng nên một cái sự-nghệp thiên thu bất-hủ. Từ đó, bao nhiêu tiểu-thuyết của ông xuất - bản ra, người ta mua không kịp in mà bán, nên không bao lâu ông đã trở nên một tay cự phú đương thời. Nhưng bình như Xanh già đã định, « khách văn-chương thường phải chịu nghèo », nên số tiền kia

ông cầm đã không đậu, mà còn vì chuyện này việc nọ nên « nợ nần ngày lại đồ lung - tung » ! Bởi vậy bắt đầu từ năm 1820, ông lại phải trút tinh lực ra một lần nữa, trứ-thuật mấy bộ sách cuối cùng để bán mà trả nợ.

Những tiểu-thuyết kiệt-tác nhất của ông là : Waverler, l'Antiquaire, les Puritains d'Ecosse, la Prison d'Edimbourg, Rob-Roy, la Fiancée de Lammermor, Invanhoé Quentin Durward, la Jolie fille de Perth, vân, vân . . Trong số ấy nhất là ba quyển Invanhoé, les Puritains d'Ecosse, la Prison d'Edimbourg đã có cái mã-lực kéo nhãn-quang cả thế-giới chú ý vào quê-hương ông là xứ Ecosse.

Nguyên xứ Ecosse là một đất phiên-thuộc của Anh, nhưng trước kia hèn đến chính người Anh cũng ít người biết đến, hoặc không thêm biết đến, cơ hồ bộ

quốc-sử ngàn xưa và bản đồ sông núi đã muốn tiêu một giữa không-gian. Thế mà sau khi Scott xuất bản ba quyển sách vừa kể trên kia ra thì các nước văn-minh tiên-tiến ở Âu-Mỹ đều chú-trọng đến xứ Ecosse một cách không ngờ. Các nhà xã-hội-học, nhân-chủng-học, cho đến các nhà khảo-cổ, các nhà văn-sĩ, các nhà du-lịch khắp trên hoàn-cầu vì lòng khát-vọng những thắng tích danh lam mà Scott đã dùng ngọn bút thần tình miêu-tả ra trong mấy quyển sách kia, nên dùng dùng đua nhau kéo tới du-ngoạn xứ Ecosse không biết bao nhiêu mà kể.

Số khách viễn-phương đông đến nỗi xe tàu không có đủ để đưa bộ hành, nhà ngủ đều thiếu chỗ; nhân đó nhà chuyên-trách tăng thuế giấy thép, máy hãng xe hãng tàu tăng tiền bán giấy mà làm giàu cho xứ Ecosse được một lúc. Ghê cho cái mãnh lực của ngòi viết chưa? Đó mới thật là « khéo đem bút mực vẽ vờ non sông » vậy.

Nội ba quyển sách mà đã

có ảnh-hưởng dường ấy, hưởng gì cả văn-khố của ông là cái văn khố phong-phú có một không hai, vì ông đã được tiếng là một nhà văn-sĩ viết tiểu-thuyết nhiều nhứt, và bằng một cái biệt-tài thần-thánh là trước thuật mau mắn dễ-dàng, tưởng tự cổ chí kim không có ai sánh kịp.

Chúng tôi xin mượn câu chuyện « so sánh Scott với ông vua tiểu-thuyết » của một số Tạp-chí « Aux Ecoules » ở Pháp, thuật ra đây cho bạn đọc biết cái kỳ-tài của nhà văn-sĩ lạ đời ấy. « Trong văn-giới Anh, mà có lẽ cả trong văn-giới năm châu cũng vậy, xưa nay chưa có nhà-trừ thuật nào viết được hăng-hà sa-số tiểu-thuyết và bằng một cách dễ-dàng như Walter Scott.

Khắp trong thế giới, chỉ có một người có thể tam sánh với ông ta được là Edgar Wallace, cũng người Anh, tức là « ông vua tiểu-thuyết » mới vừa chết đây. Tuy vậy, đem những kho tác-phẩm của Wallace mà dồn hết lại cũng chưa nhiều

bằng tác-phẩm của Scott ; cho đến cái tài làm sách nhanh chóng như thần cũng phải chịu nhượng bộ Scott nữa. Wallace, trong phòng làm việc dùng không biết bao nhiêu là máy đánh chữ và đọc cho người ta đánh, cứ 2 ngày là xong một quyển tiểu-thuyết, hoặc một buổi sáng cũng xong được một bản tuồng ba lớp.

Còn Scott thì khác, ông chỉ dùng một bình mực

một cái lông ngỗng (bút viết đời xưa), và thức dậy từ khi trời mới rạng đông, ông vung cho cái lông ngỗng chạy trên mặt giấy với một cái sức lạnh chóng lạ thường. như thế đến trước khi ăn cơm trưa, đã xong một thiên sách ».

Có phải là một bậc thần-tài cồ-kim mới có một không ?

ĐẠM-TRANG thuật

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ NGÀY KỶ NIỆM VĂN-HỌC TẠP-CHÍ XUẤT BẢN

Đến tháng Mai 1933 này, bản-chí định ra một số đặc-biệt vừa để đáp tẩm thịnh tình của các bạn đọc giả, vừa để kỷ niệm ngày Văn-học Tạp chí xuất bản.

Số ấy sẽ in dày gấp rưỡi số báo thường, in vào giấy nhẵn tốt, hai mùi mực, (xanh và đỏ) có nhiều tranh vẽ và hình ảnh. Hiện bản-chí đang dự bị biên-tập để số báo ấy gồm đủ được cả ba cái đặc sắc : hay, vui, đẹp (1).

Nhưng muốn cho số báo ấy được thật hoàn toàn, bản-chí phải cần sự giúp sức chung của tất cả các bạn đọc-giả. Vậy trong các ngài, ai có bài văn cồ hay kim, tranh ảnh về phong cảnh, hình chụp hay tự tích các cụ văn-hào, tranh vẽ có ý nghĩa về văn-học, xin các ngài sẵn lòng gửi lại giúp cho, bản-chí xin hết sức hoan nghênh. Đối với các ngài gửi về như thế, hễ bài nào hay bản nào bản chí in được sẽ gửi biếu riêng quyển tạp-chí đặc biệt ấy lại biếu thêm 2 bộ sách của nhà in Đông-Tây xuất bản nữa. Mong các ngài giúp cho. Xin đa tạ các ngài trước.

1, Số này sẽ bán từ 0\$25 đến 0\$30. Song đối với các đọc giả mua năm thì bản-chí không giám tính hơn và cũng coi như số báo thường

THI-VĂN ÁI-QUỐC

đời Trần

Thi văn nước ta, có kể đã lâu. Cứ mở sử sách mà xét thì năm Thiên-phúc thứ tám (987) thuộc về đời Tiền-Lê, sứ thần nhà Tống (Tàu) qua nước ta có dâng nhiều bài thơ lên cho vua ta ; vua ta sai Khuông-Việt đại - sư họa đáp lại. Như vậy thì biết đương thời chỉ có người ở trong thiên-môn mới biết làm thi mà thôi. Đến triều nhà Lý có vị cao tăng là Vạn-hạnh thường lấy thi mà dạy cho bọn tăng - đồ. Chính vua Thái-tổ nhà Lý cũng học với sư Vạn-hạnh ; bài chiếu đời đô từ Hoa-lư về Thăng-long tức là bài văn của vua soạn ra vậy. Xem hai chuyện cũ đó, thấy thi văn của nước ta, thật là phát nguyên từ các nhà thiên - học trước hết.

●

Qua đời nhà Trần, thi-văn đã tấn tới và thịnh hành lắm, xem trong tập « *Hàng việt thi-văn tuyển* » chép lại năm trăm sáu chục bài đều là bài văn kiệt-tác của các bậc danh nhân đời Trần, tôi muốn lược cử ra ít bài sau đây, cho biết thi văn đời ấy hùng hồn khẳng khái ra thế nào.

Trước hết là bài hịch của ông Trần-Hươg-Đạo khích lệ tướng-sĩ trong hồi ta đánh nhau với giặc Nguyên. Chủ ý của ngài khuyên nhủ bọn nghĩa sĩ anh hùng cho biết cái nghĩa rằng thân gia của mỗi người vẫn có quan hệ nhục vinh với nước. Thử nghe những câu này, coi chất chứa biết bao nhiêu thâm trầm thiết thực ;

*Hồi chư tướng cầm binh dưới trướng,
Cơm áo vua ăn hưởng bao lâu.
Chúa lo không biết âu sầu,
Hầu quân Mông-Cổ không mầu hổ người.*

Hết cò bạc vui chơi gà chọi,
 Thôi rượu trà, lại ngồi hát hay
 Vợ con quẩn quýt đêm ngày,
 Ruộng vườn chăm chút riêng tây cửa nhà.
 Việc quân quốc ví mà biếng nhác,
 Cuộc chơi sẵn đã chắc vui không?
 Giặc Nguyên phỏng lại dùng dùng.
 Lấy gì chống giữ hay cùng cam tâm?
 Cựa gà bén khôn đâm giáp giặc,
 Ngón bạc gian khó đặc mưu quân!
 Vợ con thêm bận vướng chân,
 Ruộng vườn khôn chuộc cái thân nghìn vàng.
 Đầu giặc há có vàng mua được,
 Sức chó săn đuổi được giặc sao?
 Rượu ngon giặc chẳng lao đao,
 Hát hay giặc chẳng hơi nào diếc tai.
 Lại nghe mấy câu kết sau này thật hết sức hùng
 hồn bi động :

Bởi Mông - cồ là thù của nước,
 Không chung trời ở được cùng nhau.
 Các người sao chẳng xót đau,
 Bấm gan chịu nhục cúi đầu làm thình.
 Lại không dạy quân binh cho biết,
 Lâm giặc vào chịu chết bó tay.
 Mai sau binh định có ngày,
 Muôn đời đề tiếng mặt dày thể gian.

Than ôi! đời Trần là lúc quốc văn mới phôi thai,
 mà phát ra được một bài văn như thế có thể gọi là
 kiệt tác vậy.

Bài văn bia ở chùa Quan-nghiêm của Trương-Hán-Siêu
 làm, bày hết những thói của đương thời nịnh Phật, chủ
 ý muốn tôn đạo Khổng lên, lời lẽ cũng thống thiết lắm.

Lại hồi ta đánh nhau với giặc, ông Trần Quang-Khải
có bài thi ngũ ngôn, chan chứa cái khí khái anh hùng :

*Bến Chương vừa đoạt xong Thanh sóc.
Hàm tử liền tay bắt giặc Hồ.
Nguyên với Thăng bình cùng cố sức,
Non sông muôn kiếp vững cơ đồ.*

Nguyên bài chữ Hán :

« ĐOẠT SÁO CHƯƠNG-DƯƠNG ĐỘ,
« CẦM HỒ HÀM TỬ QUAN,
« THÁI BÌNH TU CHÍ LỰC,
« VẠN CỔ THỦ GIANG SAN.

Một vị đồng tướng khác cùng thời ấy là ông Phạm-
ngũ-Lão có bài thơ thuật hoài rằng :

*Mấy thu gác sóc ngắm giang sơn !
Chỉ điểm ba quân quyết tẩm gan !
Cái nợ làm trai chưa trả vẹn,
Dám đem Gia-cát đổi ai bàn.*

Nguyên bài chữ Hán.

« HOÀNH SÁO GIANG SƠN LỊCH KỶ THU,
« TAM QUÂN TỶ HỒ KHÍ THÔN NGƯU.
« NAM NHI VỊ LIỄU CÔNG DANH TRÁI,
« TU TỈNH NHÂN GIAN THUYẾT VŨ HẦU.

Hồi nhà Trần đã suy, giặc Minh qua cướp, ông Đặng-
Dung muốn khôi phục cơ nghiệp nhà Trần lại mà không
được, bèn saoh lòng hoài cảm mà phát ra bài thi này,
nghe có giọng xiết bao đau đớn não nùng :

*Cuộc thế còn dài, chỉ sợ già,
Vừa say vừa hát ngắm trời xa.
Gặp thời đồ diếu làm nên nỗi,
Hết vận anh hùng những thiết tha.*

*Chí quyết xoay trời đền nợ chúa,
Kể chi đem giáp đội sông Hà.
Thù to chưa trả đầu râu bạc,
Lắm lúc trau gương bóng nguyệt tà.*

Nguyên bài chữ Hán :

« THẾ SỰ DU DU NẠI LÃO HÀ,
« VÔ CÙNG THIÊN ĐỊA NHẬP HÀM CA.
« THỜI LAI ĐỒ ĐIẾU THÀNH CÔNG DỊ,
« SỰ KHỨ ANH HÙNG ẦM HẬN ĐA.
« TRÍ CHỦ HỮU HOÀI PHÙ ĐỊA TRỰC.
« TẦY BINH VÔ KẾ VẤN THIÊN HÀ,
« QUỐC THÙ VỊ BÁO ĐẦU TIÊN BẠCH.
« KỶ ĐỘ LONG TUYỀN ĐÁI NGUYỆT MA.



Nay người sau đọc bài hịch của vua Hưng-đạo, thì tự nhiên sinh ra lòng trung-phẫn, đọc bia của họ Trần họ Phạm họ Đặng, thì biết xưa nay tấm lòng ưu ái của loài người, không nhân cuộc - thế thế vào mà sanh ra tấm lòng nóng hay nguội. Tuy thời đại đã cách xa đến hơn ngàn năm, mà cái tinh thần ái quốc, vẫn vút vút ở trong ngôn ngữ văn tự, hùng vĩ thay cái ảnh hưởng văn đời Trần.

SỞ-CUÔNG



Trong bạn đọc báo, ai có Văn học số 1, thừa không dùng đến xin cứ gửi về cho Bản chí, Bản chí sẽ gửi trả lại tiền bằng timbres postes. Các ngài cứ cuộn vào rồi gián 1 xu tem là được

BÀN NỮ THẦN DÂN GIẢI

HÀ-XUÂN-TẾ

XI

- Vi một nỗi thua tiền thua bạc,
86. - Hóa (1) cho nên thua sắc (2) thua tài (3) !
So (4) ra ai đã thua ai,
88. - Kẻ kia tám lạng, kẻ này nửa cân.
Vốn đã biết (5) làm thân kẻ khó (6),
90. - Có giám đầu đánh đọ (7) với giàu !
Đành rằng mang túi đeo sầu (9),
92. - Nói càng ắp-úng (8) nghĩ thêm ngại lời (10).*

Đoạn XI (Câu 85-92)

CHỈ VÌ NGHÈO KHÓ, NÊN PHẢI THUA SẮC THUA TÀI, THẬT THÌ AI ĐÃ THUA AI ! SONG LÀM THÂN KẺ KHÓ, CŨNG ĐÀNH MANG TÚI ĐEO SẦU ; CÀNG NÓI CÀNG NGHĨ CÀNG THÊM ĐAU ĐỚN

(1) *Hóa* : là biến thành ra.

2) *Sắc* : là nhan-sắc, dung-mạo bề ngoài của một người con gái.

(3) *Tài* : là công việc, tính-nết giỏi-giang của một người.

Câu 86 và câu trên, ý nói : vì mình nghèo khó, thua tiền thua bạc, cho nên không ai đoái hoài đến mình, dù có tài có sắc chẳng nữa, cũng như không vậy.

(4) *So* : nghĩa là so-sánh để xem bên nào hơn bên nào thua.

Câu 88 ý nói kẻ này kẻ kia ... , bằng nhau, bởi vì tám lạng tức là nửa cân (Một cân có mười sáu lạng).

(5) *Vốn đã biết* : nghĩa là xưa nay đã sẵn biết.

(6) *Làm thân kẻ khó* : là làm người nghèo.

(7) *Đánh độ* : ý nói so sánh ganh đua, mong chiếm lấy phần hơn.

(8) *Mang túi đeo sầu* : là ôm lòng chịu nỗi đau đớn, than thở cho số phận, là âu-sầu vì tình-duyên. Các sự tủi và nỗi sầu lúc nào cũng canh-cánh bên mình, hình như phải mang đeo lấy.

(9) *Áp-úng* : nghĩa là ngập-ngọng ; bởi vì cảnh ngộ gian nan, than thở làm sao cho thấu nỗi niềm tâm-sự

(10) *Ngại lời* : nghĩa là ngần ngại nói không ra lời ; bởi vì càng nghĩ lại thân phận mình thì càng tức tối trăm chiều.

XII

Xuân xanh (1) *kẻ đôi mươi có lẽ* (2),

94. - *Quả mơ còn ba bảy đương tơ* (3) ;

Kìa như đông bích (4) *lân gia* (5),

96. - *Kẻ đã minh-bội* (6), *người đã mộng-lan* (7).

Cũng mang tiếng hồng-nhan (8) *với thế* (9),

98. - *Nỡ nào nên duồng-dây* (10) *chẳng thương*.

Bao nhiêu thêu-dệt y-thường (11),

100. - *Vì người ta sửa tư-trang* (12) *lấy chồng !*

Cũng mang tiếng má-hồng mặt phấn (13).

102. - *Luống năm năm* (14) *chực phận phòng*

không (15) ;

Há rằng hoa chẳng chiều ong (16),

104. - *Cho nên tủi phận thẹn hồng* (17) *lắm thay !*



Đoạn XII (Câu 93-104)

XUNG-QUANH MÌNH THÌ NÀO GÁI LẤY CHỒNG, NÀO TRAI CƯỚI VỢ CÒN PHẬN MÌNH, CŨNG MÃ HỒNG MẶT PHẤN NHƯ AI, SONG VÌ MỘT NỖI NGHÈO NÊN PHẢI CHỊU LONG-ĐÔNG!

(1) *Xuân xanh*: là hai chữ dùng để nói tuổi người con gái. Ta cũng nói: « tuổi xuân, xuân thu ». Như trong Kim-vân-Kiều có câu:

Xuân-xanh xấp-xỉ đến tuần cập-kê.

Hai chữ xuân-xanh là do chữ thanh-xuân dùng để chỉ tuổi lúc còn trẻ. Ví dụ như: lồi tám xuân xanh.

(2) *Đôi mươi có lẽ*: nghĩa là tuổi hơn hai mươi: hai mươi một hoặc hai mươi hai tuổi

(3) *Quả mơ còn ba bảy đương tơ*: Câu này dịch ý câu trong kinh Thi « Xiếu hữu mai kỳ thực thất hề.. Xiếu hữu mai kỳ thực tam hề... » là nói vì dầu xuân đã muộn rồi mà cành mai rụng chỉ còn bảy hay ba quả, cũng chưa quá thì đâu, cũng còn vừa, vì người con gái đã lớn tuổi song cũng còn có thể kiếm chồng được.

Câu này thường là lời con gái quá thì tự nói để an-ủi duyên-phận mình.

Trong Hoa-Tiên truyện cũng có dùng tích ấy:

*Dập diu lá thắm chim xanh,
Quả mai chi để trên cành bảy ba.*

(4) *Đông bích*: là tường đông, vách về phía đông.

(5) *Lân-gia*: là nhà bên hàng xóm.

(6) *Minh-bội*: là đeo đồ nữ trang có các thứ ngọc khua vang. Ý nói người dâu đi về nhà chồng.

(7) *Mộng-lân*: lấy tích xưa bà mẹ ông Trịnh-Mục-Công nằm mộng thấy trời cho mình bụi lan rồi sinh con trai. Ý nói người ta đã có con.

Câu 95-96 ý nói hai bên hàng xóm, người thì đưa dâu, kẻ thì cưới vợ đã có con rộn rịp xôn xao;

thấy thế lại càng thêm làm cho mình nghĩ lại phận mình phòng không chiếc bóng, mà than thân tủi số.

(8) *Hồng-nhan* : Hồng là đỏ, nhan là mặt. Hồng-nhan là nhan-sắc đẹp. chỉ người đàn bà con gái nhan-sắc đẹp mà thường thường hay bị số phận rủi ro. Do chữ Hán : Hồng - nhan đa-truân.

(9) *Thế* : là đời.

(10) *Dưỡng-dưỡng* : là ý nói lơ lững bỏ không thêm đoái đến, cho nên phải chịu long-long.

(11) *Y thường* : là áo và xiêm ý nói đồ áo xiêm đẹp của người đàn bà thêu-dệt sửa soạn để mà trang sức.

(12) *Tư-trang* : là đồ để trang sức của đàn bà.

Câu 99-100 do hai câu Đường-Thi của ông Lân-thao-Ngọc:

*Khô hận niên niên áp kim tuyến,
Vị tha nhân tác giá y-thường.*

Hai câu ấy là cốt tả cảnh đau đớn của người con gái nghèo nên phải quá thi, mình thì không có chồng mà năm năm phải thêu-dệt áo xiêm cho các người con gái khác bạn mà lấy chồng!

(13) *Má hồng mặt phấn* : là ý nói người con gái có tư sắc.

(14) *Năm năm* : là ý nói năm này năm khác, ý nói luôn luôn; mà vì trông đợi một sự gì nên thì giờ hóa ra dài-dặc.

(15) *Phòng không* : là ở một mình, chưa có ai là bạn trăm năm.

(16) *Hoa* là ví người con gái; ong là ví người con trai đi kiếm vợ cũng như ong kiếm hoa để hút nhụy.

(17) *Phấn hồng* : là đồ người con gái dùng mà điểm trang — Cũng nghĩa là nhan-sắc. Tủi phấn thẹn hồng, là tủi thẹn cho nhan sắc của ta không ai đoái đến.

(Còn nữa)

ĐỌC VĂN TIỀN BÔI

Thơ văn của các cụ ta làm ra phần nhiều nguyên cảo thất lạc đi cả, nên việc sao lục thơ văn rất khó, mà khó một nỗi nữa là bài của cụ này lại bảo là của cụ khác...thành ra nay nhiều khi ta chép hay nhầm thơ của cụ này ra cụ khác là thế.

Như bài “Vịnh Thị-Mốc” cũng bị nhầm như vậy. Nguyên bài ấy không phải là của cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ soạn ra mà chính người làm là cụ Nguyễn-Danh mới phải.

Cụ Nguyễn-Danh, văn nôm rất hay, mới nhỏ tuổi đã sớm đậu cử-nhân, là người làng Chúc-Lâm tức gọi làng Dệp ở Hải-dương, sau làm quan Hưng-Hóa Sơn-Phòng Phó Sứ; bấy giờ chức Chánh Sứ về cụ Tham-Tán quân vụ Nguyễn-Thuật. Hai ngài những lúc rảnh việc quan thường thơ từ sương họa với nhau rất lấy làm tri kỷ.

Được ít lâu, người Pháp sang lấy Bắc-kỳ, các cụ đều bỏ quan cáo về cả. Chính thừa ấy cụ Nguyễn-Danh thì cáo về Nam-Định ở ẩn tại nhà một người làng ở Phố Hàng Dệp (bây giờ là Phố Hàng Sắt), mà bài «Vịnh thị Mốc» cũng là của cụ làm vào hồi bấy giờ (vào khoảng năm 1883 hoặc 1884).

Bài cụ vịnh Thị-Mốc, nguyên văn là :

So thanh - tiết ai bằng mẹ Mốc,

Ngoài hình - hải đầu gấm vóc cũng thêm ra.

Mảnh hồng - nhan đem than lấm sóa nhòa,

Làm bệ - dặc che qua con mắt tục.

Thơ rằng : NGOẠI - MẠO BẤT CẦU VI MỸ NGỌC !

TRUNG TÂM TẶNG TỰ THỊ KIÊN KIM (1).

1) Ngoài mặt chẳng cầu như ngọc đẹp ; trong lòng thường giữ tựa vàng bền.

Từ chồng xa muôn dặm khôn tìm,
 Phận tòng nhất (1) đành in cho vện tiết.
 Sạch như nước, trắng như ngà, mà trong như tuyết.
 Dầu tây tàu mộ - miệc, chút không nhớ ;
 Bưng tai ngoảnh mặt làm ngơ,
 Rằng khôn cũng mặc, rằng khờ cũng thấy ;
 Khôn kia dễ bán đại này !

Chinh thừa ấy ở vùng Nam có con mẹ điên điên
 đại đại, vẽ mặt bôi mình như thế thực, nên cụ mượn
 mà làm bài đó để tả lòng mình.



Lại bài dịch bài « **Ly-phụ-Từ** » của cụ Tam-Nguyên
 Yên-Đồ cũng là cụ dịch thừa bấy giờ. Tiện xin chép
 cả ra dưới đây :

QUÂN BẮT KIẾN LY PHỤ, LY PHỤ SÀU ĐỘC TÚC,
 DOANH Y MƯU THỰC NHẬT BẮT TÚC.
 LÂN ẦU KIẾN CHI LIÊN CƠ HÀN,
 THẤT GIA SỬ DỮ THIẾU - NIÊN TỤC.
 THIẾU - NIÊN CƯỜNG TRÁNG THỊ-DỤC QUẢNG,
 LY - PHỤ BÌ - BỆNH CÂN - LỰC SUY.
 CUNG CẤP SỬ LINH BẮT TƯƠNG ỨNG,
 TÚNG NHIÊN KIẾN HỢP CHUNG KIẾN LY.
 TÁI TIẾU BẢN VỊ Y THỰC MƯU,
 BẮT MIỄN CƠ HÀN CHUNG KHẢ SỬ.
 HƯỞNG PHỤC BẮT VĂN PHỤ MẪU NGÔN :
 TƯ BÔN PHẢN VI LÂN · LÝ BỈ.
 TA TA LÂN ẦU HÀ ÁI VI,
 ÁI CHI TẮC THỊ MƯU TẮC PHI.
 ÁI CHI HÀ BẮT TÚC BỐ CẤP,
 LÃO ĐẠI TÁI TIỂU PHI SỞ NGHI.

Bài dịch của cụ Nguyễn-Danh :

*Chàng chẳng thấy gái này gái hóa,
 Buồn nằm sông sông cả áo cơm ;*

1) Theo một người, chỉ lấy một đời chồng.

Thương phở là mụ tá hơ,
 Gán người tuổi - trẻ kết làm lứa đôi.
 Tuổi trẻ kia chơi bời quên nhọc,
 Gái hóa này sức vóc là bao ?
 Khiến sao chiều chẳng như sao,
 Tuy vui sum - họp sau nào được lâu.
 Lấy chồng, tưởng nhờ nhau ăn mặc,
 Ai ngờ rằng chẳng chắc hồ người.
 Phưng chi cha mẹ khuất nhời,
 Đi thăm lại mắc tiếng cười gần quanh.
 Mụ hỏi mụ thương duyên chi thể ?
 Thương thời hay nhưng kể không hay ;
 Thương thời thóc vãi cho vay,
 Lấy chồng thì gái già này sao nên !

Vì bấy giờ có giấy chiếu cụ ra làm quan, anh em cũng khuyên mời cụ ra, cụ mới dịch bài này mượn thơ cụ Yên-Đồ, thác làm lời gái hóa để chối từ. Nhưng vì thời thế bắt buộc, dầu cụ có chối từ đã ba bốn lần đi nữa, sau rồi cũng đến phải ra. Cái thân-thế cụ nào có khác gì cái thân thế một người trinh-phu gặp cơn gia-biến. Ôi « lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung ». Cho nên tài với mệnh không phải là nổi bất bình riêng của người hồng - nhan mà thực chung cả kẻ bạch-diện (1). Cụ cũng vì được tài hồng mệnh nên chữ mệnh buộc cụ vào những cảnh bất đắc dĩ, bắt cụ nguôi lòng trước mà lại phải ra một lần nữa.

« Dùng dằng khi bước chân ra, bực trăm nghìn nỗi dằn ba bảy lần » nghĩ đến cái thanh tiết của Mẹ Mốc, cụ lại tiếc cái công gìn giữ bấy nhiêu lâu... Tuy có « buồn năm sông sông cả áo cơm » chẳng nữa cũng còn hơn...



1) Mặt trắng là người học trò.

Lúc cụ lên đường đi nhậm chức Tuyên-Quang bổ
chánh-sứ, cụ có « Vị thị Mốc dải trào » một bài rằng :

Mốc ơi là Mốc,

Mình chịu đen mà chắc cóc vện tròn đầu,

Cũng hoài công gìn dũ bấy nhiêu lâu,

Điều bất-khiết 1) bỗng từ đâu đem gần lại.

Thơ rằng : THANH-TIỆT HỮU TIỀN NAN TỰ MÃI,

TRINH TÂM VÔ HỎA DĨ THÀNH HÔI (2).

Cũng hoài công bùn chát than bôi (3),

Toan suế-xóa với đời mà chẳng chót.

Chẳng thà vắn dầu sâu đit mọt,

Hình xấu mà danh tốt lại là hơn.

Biết ai mà tỏ nguồn cơn.

Tràng - Kiều

LÊ-TÀI PHÚNG

1) Điều không sạch, điều ô-nhục.

2) Tiệt trong có tiền cũng khó mua được.

3) Lòng trinh không lửa mà đã thành tro mắt rồi.



Văn tuyên chủ giải

TRUYỆN ÔNG LÝ-CHĂM

I. — Ai đi Hanoi, sao chẳng đến thăm một cái làng nhỏ kia, ở bên Hồ-Tây, ngánh lưng ra đê sông Nhị, gọi là làng Nghi-Tàm, mà hỏi truyện ông Lý-Chăm hay ông Lý Râu, vì sinh-thời (1) ông có lăm râu, cho nên người làng quen gọi. Tên họ ông là Nguyễn-hữu-Khang. Ông đã có công đức thế nào, mà nay đã nên một đấng phúc thần ở làng ấy.

Làng Nghi-Tàm là một làng cổ-cựu ở hoàn-thành (2) Thăng-Long là chỗ cổ đế-đô (3), thiếu gì là khoa hoạn (4), thiếu gì là anh hào, mà công cả tiếng thơm, ngàn thu hương hỏa, lại về một tay lý-dịch (5), còn những kẻ quyền cao thế mạnh, tưởng đã đổ rục một phương trời, nóng rẫy một khu đất, đến bây giờ cũng khói lạnh hương tàn, có khi tên họ cũng không còn ai nhắc đến nữa.

Thế mới biết chi-thành (6) ấy là thần thánh, thiên-lý (7) vốn ở lòng người; tạo hạnh-phúc cho xã-hội mới gọi là công danh, có danh tiếng để đời sau mới gọi là sự nghiệp. Và biết cái cảm tình của dân xứ ta hay trọng về đường báo đáp, thù ai một chút cũng mong trả, ơn ai trăm năm cũng chưa quên. Cái cảm tình ấy chính là một cái nguyên chất để gây dựng nên dân tộc, cổ kết lấy nhau, bènх vựс lấy nhau, dù sông lở núi mòn cũng không bao giờ biến đổi.

- 1) Lúc còn sống.
- 2) Xung quanh thành phố.
- 3) Kinh-đô các triều vua cũ.
- 4) Người thi đỗ làm quan.
- 5) Người làm chức việc trong làng.
- 6) Lòng thành rất mực.
- 7) Lễ trời.

Câu truyện này là chép sự thực; những người đồng thời với kẻ quan hệ trong câu truyện này hãy còn có nhiều, đủ làm chứng là sự thực; đây tôi kể được tường tận (1) là vì có người đã thuật lại cho tôi nghe.

II. - Cứ theo trong điển-lệ (2), mỗi năm đến kỳ tháng chạp tháng giêng và tháng hai làng Nghi-Tàm phải có tiến (3) chim sâm-cầm mỗi kỳ là hai đôi. — xét sâm - cầm mỏ sỏ chân vịt, là một thứ chim ở nước. Người ta tương truyền rằng chim ấy hay ăn sâm ở Trung - quốc, hay uống nước ở Hồ Tây, thịt nó ăn bổ như sâm, cho nên gọi là sâm - cầm, mỗi năm đến mùa đông ở Hồ Tây hay có. — và việc tiến chim ấy mỗi năm đã làm tốn phí cho dân nhiều lắm.

Năm Tự-Đức thứ 25, Lý - Chắm đang làm lý-trưởng. Tháng mười-một có tờ tỉnh sức cho làng đánh chim, bấy giờ làng họp tại : đình mà bàn định : trừ 6 đôi chim chính tiến, còn phải chim lễ các quan, các thầy phần việc, có 50 con mới đủ; giá rẻ cũng phải một trăm quan tiền vì năm nay hiếm chim, những nhà quen đánh giò lưới đều bắt bí mà bán cho thật đắt; tiền trình tiền lễ các sở mỗi sở phải 50 quan; tiền phụ cấp cho lý-trưởng phải 50 quan; cả thầy là 300 quan; cứ chiếu số hương ẩm (4) mà bỏ rồi giao lý-trưởng nhận biện (5).

III. — Lý-Chắm ra về, nói với người làng rằng : « sáu con chim tiến mà tốn phí cho dân đến 300 quan tiền, một tang biết bao nhiêu là ngoài. Điển-lệ đặt ra để tỏ ý tôn quân thân thượng (6), chớ không phải để sinh sự

1) Kể được rõ mà hết.

2) Thẻ lệ của nhà vua đặt ra.

3) Dâng lên vua.

4) Số người cùng nhau ăn chịu về việc thờ thần trong làng

5) Nhận làm việc.

6) Tôn vua, thân người trên.

mà nhiều dân. Chẳng qua từ xưa tại mấy người kỳ-địch đã ngu lại tham, chỉ mong đục nước cho được béo cò, không nghĩ gì đến sự nặng nề về sau cho con cháu. Nay mình đã là người đàn anh trong một xã cũng phải tính thế nào mà bảo họ lấy con em. Nếu thịt không còn thì lông bám vào đầu. Huống chi danh là thờ vua, mà thực là hại dân, lại là một điều tội lỗi ».

Có người nói : « Thói tham những bây giờ như thiên tai lưu hành (1), đã truyền nhiễm khắp cả mọi nơi, không đâu là tránh cho khỏi. Vả dân chịu khổ mãi cũng đã quen, như người đau đã thành tật. Lập lệ thì dễ, phá lệ thì khó ; mình thương kẻ dưới, nào người trên có thương chi mình ; nếu cứ giữ đường thẳng mà đi, đã không xong việc cho làng, mà mình lại mang tiếng là điều là ngạnh ». Lại có người nói : « Làm nghề gì kiếm ăn nghề ấy, sé mắt thì phải mút tay. Của bách gia chi sản (2) là quyền lợi của đàn anh ; thịt kẻ yếu để cho kẻ khỏe ăn, cũng là cái lệ công trong thiên diễn (3). Ông ra làm việc, không có lẽ lấy của nhà mà bù ; miễn là mình không xâm phạm của dân thì thôi, lại còn giữ cả người ta sao được ».

Nghe nói biết là những người yếu đuối bèn đại, không trách mà dân sự mỗi ngày một tồi tàn. Người đã không có lương tâm, không có thể nói chuyện công ích. Ông Lý-Chăm nghĩ đi nghĩ lại, trong làng chỉ còn có ông Tổng-Khải và ông Cựu-Tuyên là người có kiến thức, có can đảm, bèn tìm đến nhà bàn. Ông Lý-Chăm nói : « Hai ông xem tình cảnh làng ta, mười nhà thì chín nhà đói, làm ăn đã khó nhọc, đóng góp lại nặng nề, kẻ thì lưu lạc mà đi bốn phương, kẻ thì trộm cắp mà phải tù rạc. Như việc nộp chim năm nay, quan trên

1) Tai nạn tự trời làm, truyền đi từ chỗ này sang chỗ kia.

2) Của trăm nhà tức là của các nhà trong làng.

3) Cuộc trời bày ra tự nhiên như thế.

đã không có lòng điều tể (1), lại dưới còn lắm nỗi mè nheo ; nếu không lo mà gỡ cho ra, thì con cháu mình biết đến bao giờ cất đầu lên cho nổi. Tôi là lý-trưởng, nghĩa phải nhận lấy trách nhiệm, hai ông phỏng có mưu kế gì mà giúp tôi chăng ? »

Tổng-Khai nói : « Muốn tránh một sự thiệt hại cho kẻ này, tất phải có điều bất lợi cho kẻ khác ; lợi hại cứ tranh nhau, sẽ sinh ra nhiều điều hiểm cố. Cho nên làm việc trước phải suy xét tình thế, tính trước trước sau ; nếu theo máu nóng mà làm, chẳng những là vô công, mà lại còn lắm điều nguy hiểm nữa. Trước hết xin hỏi ông : nhân sao mà làng không gửi thăng chim vào tiến, còn phải nộp chim cho tỉnh quan để phiên phí ? — Vì tỉnh quan mới có quyền phát trạm (2) mà đệ công văn công hóa (3). — Trong một tỉnh việc phát trạm về ai ? — Về quyền quan án sát. — Vậy ông có biết quan án - sát tỉnh ta là người thế nào không ? — Nghe nói là người nghiêm nhặt, về việc văn án lại càng thâm lắm. — Ấy đó là điều ta phải chú ý, vì quan dữ thì dân không dám gần, dân ngu thì lại dễ hống-hách ; nay dân đã ngu, quan lại dữ, phép nào những tay gian những lại chẳng thừa thế mà độc dân. Nay chỉ có cách này là cách đề - chế, là giữ phép luật mà gan chịu đòn ».

Ông Lý-Chấm nói « Nếu việc có lợi cho làng và cho con cháu mình về sau, thì tính mệnh tôi cũng không từ, huống chi là đòn vọt. Nay tôi đã nghĩ có một phương-pháp thật diệu, chỉ thiếu chưa có người làm. Phương-pháp này có quyền thuật, có cơ-quan, nghĩa là mình có chịu rấn vào đám chông gai, thì mới cứ được người ta ra ngoài nước lửa. Hai ông có chịu lời giúp tôi thì tôi sẽ nói.

1) Thề-tắt tình dân mà khoan giảm bớt cho những sự phiền nhiễu.

2) Phát giao cho phu trạm.

3) Giấy tờ công, đồ vật công.

Hai ông kia nói : « Hễ trượng-phu thấy nghĩa thì làm ; huống chi việc cũng là việc ích lợi chung, chúng tôi có phải là phường tranh sồi tranh thịt đâu mà ông sợ. Phương-pháp ông thế nào, ông cứ nói ».

Ông Lý-Chăm nói : « Đức Kim-Thượng (1) thật là đức thánh minh, xem những nhời chỉ dụ khuyên bảo thần công (2) thì tấm lòng thể-lắt nhân dân thật như trời che đất chở. Nếu tình uẩn của dân ta có thể lọt đến tai trời, thì cái gánh nặng trăm năm có lẽ một ngày cất khỏi ». nói rồi ghé tai hai ông mà nói : « như thế ... như thế ... » Hai ông nghe nói cứ gật đầu tặc lưỡi, rồi đưa nhau đến trước cửa đình mà phát thệ (3) với nhau rằng : « Phải tay tham bạo, bác tước con em ; nếu để dân tàn, thần sao yên sở ; chúng tôi kỳ địch, nghĩa phải giúp dân, đã quyết một lòng, thần minh chứng giám ».



IV. — Ngày 25 tháng mười - một năm ấy, lý dịch đem chim lên tỉnh mà nộp. Trước hết làm đơn bẩm nạp vô trình quan tổng-đốc. Tiền trình tiền lệ nộp đã đủ rồi, quan phê hai chữ « kiểm thu ». Phần việc khám chim rồi, cũng cho chữ : Thừa khám mao vũ tề bị ». nghĩa là khám chim đủ lông đủ cánh. Rồi sang trình bên quan bố. Trình lệ cũng đủ như quan thượng. Quan phê rồi, phần việc khám chim rồi, cũng cho chữ : « Thừa khám cơ nhục tiểu phi », nghĩa là khám chim đều được béo tốt. Hôm sau sang trình bên niết (4), là nơi sẽ nhận chim và phát đệ Lý dịch vào phòng sở (5) trình quan kinh-lịch trước. Quan kinh bắt nộp tiền cho đủ, rồi mới cho lên hầu quan.

1) Vua bây giờ.

2) Các bề tôi, các quan.

3) Phát lời thề.

4) Nha quan án sát.

5) Chỗ các người tờ thuộc ngồi làm giấy.

Lý-Chăm ra khỏi phòng sổ, đi thẳng lên công đường, Tổng-Khai Cựu-Tuyên mang lồng chim đi theo sau. Linh sở hầu trông thấy vừa thét: « Lui ra », thì Lý-Chăm đã đến trước mặt quan án, tay đưa tờ bẩm, miệng nói: « Chúng tôi là dân Nghi-Tâm đem chim tiến nộp ». Bấy giờ ông Lý mặt càng đỏ, mắt càng tròn, bộ râu càng cứng thẳng lên như cái chổi thép. Quan án thấy bộ đường-đột, ngảnh lại mà hỏi: « Ai là phần việc? dân Nghi-Tâm nộp chim có đúng lệ không? » Nghe có người thưa: « Tiền lệ chưa có, và chim năm nay cũng xấu ». Quan án nổi cơn lôi đình (1) lên mà quát rằng: « Chim xấu, tao chặt cổ bay đi. Linh đâu sao cho dân vào đó? »

Lý-Chăm liền đưa đơn bẩm cho Tổng-Khai, đưa mắt cho lui ra. Minh cầm lấy lồng chim mà giảng co với tên linh.

Bỗng thấy chim trong lồng, vừa kêu vừa rẫy, lông rung ra tơi-bời. Lý-Chăm la-lối mà kêu lên rằng « Chim của chúng tôi tốt, hện có chữ quan làm bằng, vì không tiền ngoại-lệ mà bẻ chân chim của chúng tôi; của tiến-vua là của trọng-hệ, tôi xin chết theo chim; ai đã làm sự khi quân (2) thì người ấy sẽ chịu tội ». Nói rồi reo đầu xuống thêm đá, nằm vật xuống đất. Máu người chan-chứa lẫn với máu chim. Quan lại đông mặt công-đường trông thấy đều tối tăm con mắt.

Dưới trại linh còn đang hoảng-hốt, nghĩ là giặc, cứ đánh trống ngũ liên (3), Quan Thượng quan Bồ nghe tin cũng sang hội-dồng trước sai điều-hộ (4) cấp cứu cho đứa bị thương, tạm tổng giam trong khám, rồi sức bắt dân Nghi-Tâm lên mà hỏi. Sau có người mách:

1) Cơn giận dữ như sấm như chớp.

2) Dối vua.

3) Liều từng hồi năm tiếng.

4) Mỗi tỉnh có một người thầy thuốc làm chức điều-hộ để trông nom thuốc thang cho các quân.

Ấy là cái mưu Lý-Chấm đắp đầu gieo vạ để cho bọn Tổng-Khải chạy thẳng về bộ, đánh trống dâng-văn (1) mà qui. Quan Thượng nghe nói, ngẫm-nghĩ hồi lâu rồi bảo quan bố rằng: « Việc nhỏ này có lẽ thành ra việc lớn; vì đức Hoàng-thượng vốn đã tin rằng quan lại hay ngược đãi (2) lương-dân. Nếu việc này không điều-đinh cho xong, để động đến tai vua, gao cho đình-nghị (3) thì các quan đồng thành (4) thế nào cũng phải xử-phân. Chi bằng ta cứ lấy sự thực mà tâu; hãy xin đình-tiến chim kỳ này, còn cái kết nghĩ ra làm sao, nhờ lượng trên tâu quyết (5) ».

Nói như thế liền làm như thế, nhất-diện (6) tâu tha cho Lý-Chấm ra ngoài mà phục-dược (7) và cả người đồ bảo cứ cơm ăn thuốc uống, để các quan hội-đồng mà chạy sớ cho. Nhất-diện cho người rước theo bọn Tổng-Khải vừa đến Nghệ-an thì gấp có thủ-thư (8) quan Thượng nhận đem tường-tình (9) mà tâu tấu cho dân, lý-dịch cứ về ở làng mà chờ chỉ (10).

Từ ngày tỉnh quan phát sớ về bộ, cả làng còn lo đêm lo ngày, chẳng những nguy cho tính-mệnh mấy người đàn anh, còn sợ dân làng lại thêm tai họa nữa.

Đến tháng hai năm sau là năm Tự-Đức thứ 26 vừa có chỉ bộ ra, vâng lời châu-diêm (11) rằng: Trẫm thấy chim sâm-cầm không ngon gì là mấy, mà tỉnh-thần

-
- 1) Lệ ta Kinh ở có để cái trống lớn để cho dân có điều gì oan-ức, đánh trống kêu lên vua nghe.
 - 2) Đãi tâu ngược.
 - 3) Các quan triều cũng bàn xử.
 - 4) Cùng làm quan một chỗ.
 - 5) Liệu lượng mà quyết định.
 - 6) Một mặt, một phía.
 - 7) Uống thuốc.
 - 8) Thư tay viết lấy.
 - 9) Tình hình đầu đuôi khúc triết phân minh về cái việc đó.
 - 10) Tờ dụ của vua ban xuống.
 - 11) Chữ vua phê.

sinh sự nhiều dân, tình thực đáng trách, nghĩ viên niết - thần tỉnh ấy giáng hai cấp, điệu (1) đi tỉnh khác, và từ nay về sau chuẩn cho làng Nghi-Tâm không phải tiến sấm cầm nữa.

« Khám thử (2) »

Khi lục - chỉ (3) về đến làng, nào già nào trẻ, nào gái nào trai, đều mừng rỡ reo hò, thiết hương - án ra lại đình mà lạy tạ ơn vua, rồi thên-nhân-tán, vạ-nhân-ý (4), kéo nhau ra tỉnh mà tạ quan và rước lấy ông Lý Chấm về làng mà mừng rỡ. Bấy giờ kẻ chào người chuyện, kẻ vái người lạy, kẻ nắm áo người ôm đầu, cũng có kẻ vừa cười vừa lau nước mắt. Ông Lý-Chấm ừng tiếp không xuể, tưởng hôm nào gieo đầu thêm đá hãy còn mơ - hồ như giấc chiêm bao.

Về-vang thay ! ông Lý-Chấm. Hào-kiệt thay ! Ông Lý-Chấm ! ý khí mạnh hơn oai quyền, mưu cao đã nên công lớn ; hương khói đền ngàn thu, thơm tho trong một xứ ; thế mới đáng sống ở làng, sang ở nước. Nào những kẻ ăn lận con em, ý quyền cha chú, lại hay công rắn cắn gà, lại hay bới bèo ra bọt, thế cũng gọi là hào, thế cũng gọi là mục, sao chẳng đến Nghi - Tâm mà hỏi thăm ông Lý-Chấm ?

NGUYỄN-BÁ-HỌC (rút ở Nam-phong)

= + =

Bài này là thuộc về thể văn ký sự, chép chuyện một người lý-dịch làm một việc công ích cho làng để ngụ ý khuyên răn những người làm lý dịch. Người trong truyện

1) Đổi quan.

2) Kinh theo lời đây (vua phê cuối cùng đều có hai chữ ấy).

3) Bản sao lục lời dụ chỉ vua.

4) Tán là cái tán, y là áo, thên nhân tán là ngàn người chung lại sấm cái tán, vạ nhân ý là muôn người chung lại sấm cái áo.

là ông Lý-Chăm ; việc công ích ông đã làm cho làng là việc ông liều chịu khổ để cất khỏi cái gánh nặng cho làng cứ phải phiền phí mãi về sự tiến chim sâm cầm.

X

Đoạn I nói mở đầu ngay cái chuyện làng Nghi-Tàm thờ ông Lý-Chăm làm phúc-thần ; kể làng Nghi-Tàm là một làng ở hoàn thành Hà-nội, thiếu gì những bậc khoa hoạn giàu sang hách-dịch một thời, mà chỉ có một người lý-dịch là ông Lý-Chăm này lại được người làng cảm đức nhớ công, hương khói ngàn năm không dứt ; rồi suy nguyên đến cái lẽ là : không cứ người nào, hãy làm được phúc lợi cho đời, ấy tức là sự nghiệp công danh, khiến cho người ta phải cảm nhớ đến mãi, và dân mình là một dân biết ơn biết nghĩa, bao giờ cũng sẵn lòng quý mến đối với người đã có ơn có nghĩa với mình. Nói thế để tỏ ra rằng : Vì ông Lý-Chăm có làm được phúc lợi cho người làng, người làng cảm nhớ cái ơn nghĩa ông mà thờ làm phúc-thần, rồi tiếp xuống kể cái chuyện ông đã làm phúc lợi cho người làng như sau này.

Đại ý đoạn I như vậy. Nếu cứ nói tuột đi như người kể chuyện thường mà nói : ông Lý-Chăm làm được cái việc ích lợi cho làng như thế này nên làng Nghi-Tàm nhớ công đức ông mà thờ ông làm thần thì nghe vô vị quá. Đây đem cái chuyện ông Lý-Chăm làm phúc-thần làng Nghi-Tàm nói mở đầu ngay ; rồi kể những bậc khoa hoạn chẳng ai được như người lý dịch ấy, để càng tôn trọng ông Lý-Chăm lên ; rồi gói lại rằng : ai làm được phúc lợi cho người ta thì tự-nhiên cái lòng người ta cảm nhớ mãi, để kết luận sự ông Lý-Chăm được làng Nghi-Tàm thờ làm thần là đáng và có cái ý khuyên người khác ở trong.

X

Đoạn II kể cái chuyện làng Nghi-Tàm vẫn có cái lệ phải tiến chim sâm-cầm, cái lệ đó làm phiền phí cho làng

đã lâu nay, mà năm ông Lý Chắm làm lý-trưởng, vì giá chim đắt, lại còn tốn hơn nữa.

Đại ý đoạn II như vậy. Trước khi kể cái chuyện ông Lý-Chắm làm việc công ích lớn cho làng là việc gỡ cho làng khỏi phải tiến chim sâm-cầm nữa thì phải nói rõ cái lệ tiến sâm-cầm thế nào, lệ ấy phiền phí cho làng những thế nào ; biết rõ cái hại về sự đó thì mới biết gỡ cho khỏi được là phúc lợi lớn. Đây kể những tình tiết về cái lệ tiến chim rất phân - minh gãy-gọn ; những câu dụng ý như câu « trừ 6 đôi chim chính tiến còn phải » câu « giá rẻ cũng phải . . . » câu « cứ khiến số hương - ẩm mà bỏ . . . » đều làm cho mấy cái ý là làng bị khổ về cái lệ tiến chim.

X

Đoạn III tả cái khổ tâm ông Lý-Chắm lo vì dân trừ hại và cái công phu lo liệu của ông về việc đó. Trước thuật cái lời ông nói với người làng, để tỏ cái tâm sự ông không nhất-nhứa, không tham lam, nhiệt thành công ích ; rồi thuật những lời người ta xui có lợi riêng cho ông mà vì hại dân nên ông đều không ưng cả, để tỏ cái bụng ông khẳng khái kiên nhẫn là nhường nào ; rồi kể đến ông cố tìm được vài người khá trong làng mà cùng nhau bày mưu định kế, thề nguyện với nhau, để tỏ ra ông lo liệu về cái việc đó thiết tha chu chí và khôn khéo là nhường nào.

Đại ý đoạn III như vậy. Đã là văn thì phải có cách phô tự cho khéo léo, không lẽ nói xoắn-cọc mấy câu rằng : ông Lý-Chắm thấy sự tiến chim có hại cho làng mình nhiều quá, nghĩ thương con em trong làng quyết bụng làm cho làng tránh khỏi cái hại ấy, bèn mưu với vài người khá trong làng là Tổng-Khải Cự-Tuyên mà tính cách làm cho được mới nghe, nói thế thì không thành văn và cũng không tả hết cái tâm sự một người đàn anh giỏi nhiệt tâm trừ hại cho làng. Đây tả những lời ông Lý-Chắm nói với làng bằng vẽ ra cái

bụng thương xót con em, lo lắng việc làng của một người đàn anh giỏi ; tả những lời hai bọn người xấu bụng nói, bằng vẽ ra cái bụng nhát nhúa tham lam của mấy anh « kỳ một » càng phản chiếu mà thấy cái giỏi của ông kia ; tả những lời ông Lý-Chăm với Tổng-Khải Cựu-Tuyên bàn đi nói lại, suy xét tình thế, tình nước trước sau, bằng vẽ ra cái can đảm, cái khôn ngoan của người làm nên việc lớn.

X

Đoạn IV nói đến chính việc ông Lý-Chăm cùng Tổng-Khải Cựu-Tuyên đem chim tiến lên tỉnh nộp ; trước hăng cốt xin được chữ quan Thượng quan Bố phê cho là chim tốt để làm bằng cứ là mình đem nộp chim tốt hẳn hoi, rồi sang dinh quan Án mới ra gan không chịu nộp tiền lệ để gây chuyện găng co với lính, bẻ chân chim đổ tội cho lính mà đập đầu gieo vạ ở trước mặt quan ; trong khi ấy thì Tổng-Khải Cựu-Tuyên đem cái đơn nộp chim có chữ phê của quan Thượng quan Bố chạy thẳng vào kêu trong bộ. Quan Thượng quan Bố thấy sự tình như vậy, phải tìm cách gỡ mình, đem tường-tình tâu tấu lên vua, mà cho người theo dỗ bọn Tổng-Khải về và tha cho Lý-Chăm ra ngoài phục được.

Đại ý đoạn IV như vậy. Đây thuật lại câu chuyện suốt từ đầu chí đuôi : nào vào quan Thượng thế nào vào quan Bố thế nào, rồi sang dinh quan Án, những ti thuộc lính-tráng hống hách thế nào, quan lạt dọa thế nào, mà ông Lý-Chăm dở đầu bỏ ra thế nào, đều kể được phân-minh gãy gọn. Những câu « quan Kinh bắt nộp tiền . . . » Câu « Lính sở hầu trông thấy vừa thét . . . » cùng mấy câu thuật lời quan án quở đều làm cho nẩy cái ý là quan dữ, nha lệ hoành, để càng thấy cái đầu bò của ông Lý-Chăm không phải là gan ruột vừa.

X

Đoạn V. — Nói đến cái việc ông Lý-Chăm làm đã thành công. Có chỉ vua ra giáng cấp đổi quan Án đi tỉnh khác và cho làng Nghi-Tâm không phải tiến chim

sâm-cầm nữa. Cả làng mừng rỡ, kéo nhau lên tỉnh rước ông Lý-Chăm về, mà ca tụng công đức ông, ngàn người như một miệng.

Đại-ý đoạn V như vậy. Trước khi kể cái sự được thành công hiển-hách vẻ vang thế nào, hằng kể lúc chưa thành công phải lo ngại nguy ngập thế nào; có cái lo ngại nguy ngập lúc chưa thành công, càng rõ cái sự được thành công là hiển-hách vẻ-vang lắm; đó là lối văn phiên bút. Những câu « Cũng có kẻ vừa cười... » Câu « tưởng hôm nào gieo dầu thêm đá... » là để chiếu ứng với đoạn trên.

X

Đoạn kết khen ngợi ông Lý-Chăm mà đem cái gương tốt ấy chỉ cho những kẻ đàn anh ăn bần trong làng.

T. H.



HỘP THƯ

Cụ lớn binh bộ Phạm Đại-nhân Huế — Hai lần cụ lớn gửi mandat giả tiền báo, chúng tôi đã kính tiếp được. Xin đa-tạ cụ lớn và xin cụ lớn thứ lỗi cho.

Ông Nguyễn văn-Được Uông Bi — Báo số 2-3 và 8 đã gửi Ngài xem, khi nào ngài giả 2\$ xin nhớ gửi thêm 0\$53, tiền 2 số báo ấy.

Ông Nguyễn-văn-Tâm Mỹ-đức-Động — Báo số 1 đã gửi ông xem từ ngày 28 mars. Ông vui lòng rồi chứ?

Ông Trần-quang-Đạt Takeo — Mandat 4\$ của ông, bản-chí đã tiếp được, xin có lời đa tạ ông.

Ông Trần-văn-Khâm Badon — Ngài tỏ ý muốn mua tạp-chí từ số 1 đến số 9. Vậy khi nào Ngài gửi giả hạn báo sau xin nhớ gửi thêm cho 1\$95 vì 3 số, số 1. 2-3 và 4, mỗi số 0\$35 là 1\$05 và 5 số từ số 5 đến số 9, mỗi số 0\$18 là 0\$90.

Chúng tôi tiếp được sẽ gửi những số ấy Ngài xem.

Ông Nguyễn-xuân-Sanh Qui-nhơn — mandat 1\$ ông gửi ra đã tiếp được. Thế là ba lần 3 đồng xin nói đề ông rõ.

Ông Thúc-Dật — Xin Ngài cứ sẵn lòng giúp Bản-chí. Bản-chí rất hoan-nghênh — Ngài cho biết chỗ ở để tiện gửi thư riêng và gửi báo Ngài xem.

NHỮNG TRUYỀN LÝ-THÚ

TRÊN ĐÀN VẦN.

THUYỀN AI ĐẬU BẾN CÔ-TÔ ?

Về đời Thịnh-Đường, văn chương Trung - quốc phát triển đến cực - độ. Không kể chi bọn Đỗ Thiệu-Lãng, Lý Thái - Bạch cả đời đắm mục - tử, tăng thuyền, nông phu liệp - hộ, tài thơ cũng đều xuất sắc kinh - nhân. Bóng sẽ đầu non, vắng tiếng tiêu ca thoảng gió ; trăng chìm đáy nước, xa nghe ngư xướng ngang doanh. Gái li - nhân vịnh khúc xuân-hoài, tường hoa liễu ủ ; trai viễn - thú ngâm câu thu oán, ải bắc sương mờ Mưa chiều mây sớm, viễn phố cô thôn, tiếng hát vang lưng uyển - nhiên như một « thái - bình thi - quốc » . . .

Văn thơ đời sau xua-tập được, có tới hàng nghìn, bài nào cũng có cái diệu phong-thoát, không đời nào có. Ngày nay ta khen một bài thơ tuyệt diệu, chẳng cần tán tụng nhiều lời, chỉ tặng hai chữ « nhập Đường »

là đủ. Cõi thế mới biết thơ Đường hay tới chừng nào !

Trong những bài xuất sắc ở bộ Đường-thi, ai chẳng biết bài « Phong - Kiều dạ bạc » :

NGUYỆT LẠC, Ô ĐỀ, SƯƠNG
MÃN THIÊN,
GIANG PHONG NGƯ HỎA, ĐỐI
SÀU MIÊN ;
CÔ-TÔ THÀNH NGOẠI HÀN -
SAN TỰ,
DẠ BÁN CHUNG THANH ĐÁO
KHÁCH THUYỀN.

Bài này, trước kia đã có người dịch, nhưng tôi chỉ nhớ có hai câu sau. Nay xin mượn đề nối vào hai câu trên tôi dịch phác :

Trăng là, chiếc quạ kêu
sương,
Lửa chài cây ánh, sầu vương
giấc hồ ;
Thuyền ai đậu bến Cô-tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông
chùa Hàn-san.

Theo trong bộ « Đường-Thi hợp Tuyển », thì bài

đó của Trương Kế. Đêm ấy, ước ngày 13, 14, họ Trương đậu thuyền tại bến Tô-châu. Quá nửa đêm, bóng trăng gác núi, chim qua kinh sợ, hốt bay kêu ngang sông; vùng sương tỏa lơ mơ, che lấp hai tòa Ngưu, Đầu. Trông ra lửa chài thấp thoáng, ánh lên cây phong bên bờ, cảnh lạ liêu nhân, gieo một mối buồn trong tâm người lữ-khách. Trương-Kế đối sầu chợ ngủ, chợt rớt mình tỉnh giấc, nghe tiếng chuông vắng đưa từ mái Hàn-san. Ngỡ còn nửa đêm, họ Trương xúc cảnh sinh tình, viết nên một thiên tuyệt cú.

Theo lời chú-thích trong bộ « Đường Thi Hợp Tuyển » thì thế. Nhưng trong bộ « Cổ Súc » lại nói trái hẳn lại, mà câu chuyện nghe cũng thú vị hơn. Vậy xin lược thuật để các bạn đọc - giả nhàn lãm :

Trương - Kế là một gã thuyền chài. Hôm ấy buộc thuyền cạnh bến : giải sông quanh quất, một bên là chợ Giang - phong, một bên là núi Sầu - miên. Đêm mồng 3, mồng 4, đầu tháng, mặt trăng sớm gác non tây, tiếng

qua kêu sương, như gọi tấc hồn thi-tử. Trương-Kế xúc, cảnh ngâm rằng :

NGUYỆT LẠC, Ô ĐỀ SƯƠNG
MÃN THIÊN,
GIANG PHÒNG NGƯ HỎA ĐỐI
SẦU MIÊN.

Ngâm song, hết tứ, không còn biết đọc thêm gì nữa. vì tất cả cảnh vật : trăng lặn, qua kêu, đầy trời sương xuống; một bên chợ Giang-phong, một bên núi Sầu-miên, chiếc thuyền mình lênh đênh trên giòng sông ở giữa.... đã thu cả vào hai câu đó rồi.

Trương-Kế tấm tức đi đi lại lại trong khoang, vô đầu, vô tai, khổ thay con nhà thơ « cụt hứng » ! Quanh-quần đêm tàn hầu nửa, mà khốn nỗi thi-thần ác-nghịch, vẫn còn vẩn-vơ trong vườn Quỳnh, non Giáp đâu đâu.

Cùng buổi tối hôm ấy, ngoài thành Tô-châu, sự cụ chùa Hàn - san, sau hồi chuông, câu kệ, bước ra tản bộ trước sân. Góc vành trăng khuyết hầu tà, trên mảnh trời xanh, thoáng trận gió lùa, đê lướt đầu cành hoa thắm. Một bầu cảnh sắc, uyên nhiên như Nam-hải Nát-bàn ; bốn phía tịch-liêu, phảng phất xa hồng - trần.

thế - luy. Non nước ấy tiêu dao ngày tháng, trò đời không ảo luyến mà chi? Gió trăng kia bầu bạn sớm hôm, cảnh Phật u - nhân mong sớm độ. .

Sư - cụ tuy một thân đạo cốt, nhưng cũng đầy bụng văn-chương, nhân trông lên vầng nguyệt ngâm rằng:

SƠ TAM, SƠ TƯ, NGUYỆT

MUNG LUNG,

BÁN TỰ NGÂN CÂU, BÁN TỰ CUNG.

*«Đêm nay đầu tháng
trăng mờ,
Nửa như móc bạc, nửa ngò
vành cung.*

Nhưng . . , đang khi thi hứng như ngọn sóng rất rào, thì sư cụ bỗng nhiên... hết tứ! Vịnh trăng đầu tháng, hai câu thơ trên đã đủ rõ rồi, thì còn hai câu sau, tìm đâu ra ý?

Nỗi khổ tâm của kẻ làm thơ, đang khi hào hứng, những tưởng hạ bút thao thao bất tuyệt, mà bỗng nhưng lời hết, ý cùng. — nỗi khổ tâm ấy, chẳng phải người trong cảnh, nào ai có rõ?

Sư cụ bức lòng, không hiểu vì đâu hôm nay nguồn

thơ chổng cạn, khiến tự hồ mình vẫn mang danh một bậc phong nhã lão tăng. Từ ngoài sân đi vào phương trượng, từ phương trượng sang nhà tổ, từ nhà tổ lại bước ra sân, sư cụ tôi cứ quần quanh hoài, mà ngán thay! cái ma chương của nghiệp thơ nó vẫn ám liền chẳng rút!...

Tới nửa đêm, trên giường cỏ, sư cụ vẫn vẫn vơ tẩn trọc, mấy phen đứng lên, ngồi xuống, cơ hồ muốn « bá ngộ » cái văn chương! Chú tiểu hầu bên sư cụ, không hiểu nổi khổ tâm vì đâu bỗng bặt lòng người lão đạo, liền rón rén đến cạnh, trấp tay thưa:

— Bạch cụ, chẳng hay đêm nay cụ nghĩ chuyện chi, mà khó an giấc như vậy?

Sư cụ gượng sàu, kể lại cho tiểu nghe cái nỗi « Vịnh trăng đầu tháng », mà hiềm hai câu tam, tứ chẳng nghĩ cho ra. Tiểu khép nép nói:

— Bạch cụ, con xin phép cụ tiếp thêm hai câu nữa, chẳng hay cụ có ưng chăng?

Sư cụ mỉm cười, gật đầu đáp:

— Thử đọc nghe, con!

Tiểu ta vâng lời, đọc :

NHẤT PHIẾN NGỌC HỒ PHÂN
LƯƠNG ĐOẠN,
BÁN TRẦN THỦY ĐỀ, BÁN PHÙ
KHÔNG.

« Hồ xanh ai xẻ đôi vừng?
« Nửa chim đáy nước, nửa
lồng chân mây.

Sư cụ nghe xong, vung
trở dậy, hớn hở xoa đầu
chú tiểu, khen rằng :

— Hay đó con ! Hay đó
con ! Ông nhờ Phật - tổ phù
hộ, chẳng có thường khi ta
mất ngủ đêm nay đó ! Ta
mừng quá mà không có
chi thưởng con cho xứng,
vậy con khá ra thỉnh một
hồi chuông tạ ơn Phật - tổ,
Nghe !

Chú tiểu vội vã vâng lời,
mà thành Tô-châu đêm ấy,
bỗng ngạc nhiên nghe thấy
hồi chuông « bán dạ », xa
đưa tự mái Hàn-san. . .

Cùng lúc đó, anh chài
Trương-Kế còn đang trần
trọc trong khoang thuyền.
Chợt hồi chuông từ đâu đưa
tới, âm thanh vắng vắng
hòa vào cõi lặng của không
dan, họ Trương bỗng nhiên
rụt mình ngồi phắt dậy vỗ
đùi cười lớn lên rằng :

— Có tứ đây rồi ! Có tứ

đây rồi !

Rồi chàng rung đùi đắc
ý, cất cao giọng, ngâm :

NGUYỆT LẠC, Ô ĐỀỀ SƯƠNG
MÃN THIÊN,

GIANG-PHOONG NGƯ-HỎA, ĐỐI
SẦẦ MIÊN.

CÔ TÔ THÀNH NGOẠI HÀN-
SAN TỰ,

DẠ BÁÁN, CHUNG THAAANH
ĐÁO KHÁCH THUYỀỀ . . .

Ngâm đi ngâm lại, hãy còn
đư hứng, họ Trương mỉm
cười nằm xuống, buông
tâm hồn vào cõi mộng thơ...

Sáng hôm sau, chàng lễ-
mễ bưng hương nén quả
hoa, tìm tới chùa Hàn-san,
tạ ơn sư cụ. Câu chuyện
của hai người nói với nhau
lý thú thế nào, các bạn độc-
giả cũng thừa tưởng tượng
được. . .

Xét ra, sách « Cồ-súy »
hình như có đôi điều bày
đặt : ta chẳng dám tin là
trên đời lại có thể có một
thiên dật hứng như kia.
Tuy nhiên, đó cũng là một
câu giai thoại trong làng
thơ, nó còn mua vui được
nhiều lần cho con cháu cụ
Lý Trích-tiên sau này vậy.

THANH-TÙNG-TỬ
(Ngọ Báo)



Thần lẩn khí gió

.....

Thời trước có ông

X

Nguyễn-khắc-Đản làm bồi-sứ đi Tây về, ra ngồi Bô-chánh Nghệ-an.

Bọn văn-thân viết mấy chữ, dán lên vách thành rằng :

« Bô đại-thần, con đại-thần ; đại-thần gì ? thần lẩn.

Quân lính thấy, bóc đem vào. Ông bảo cứ để nguyên, rồi viết về bên này bảo đem dán đối lại rằng :

Nay sĩ-khí, mai sĩ-khí ; sĩ-khí gì ? Khí gió ».



Sách, báo mới

Bản - chí mới tiếp được của ông BÙI-VĂN-LĂNG, phó thanh-tra các trường tiểu học Qui-nhon gửi tặng quyển *Thu dạ lữ-hoài* do ông tự dịch ra thơ tây nhan là « **Nostalgie par une nuit d'automne** ».

Trong một số báo sau chúng tôi sẽ có bài bình phẩm, nay hãy xin gửi lời cảm ơn ông Lăng và xin vui lòng giới thiệu cùng đọc - giả.

Làng báo Nam-kỳ vừa thêm được một bạn mới. Tờ **Việt-Dân** bấy lâu cở động thì ngày 16 Mars 1933 đã xuất bản. Tờ báo này ra hàng ngày do ông ĐẶNG-THỨC-LIÊNG đứng chủ chương, có ông KHƯƠNG-KIM-NHUẬN giữ việc quản-lý và ông NGUYỄN-KIM-ĐÌNH giúp việc biên tập.

Giá báo : một năm 10\$ — 6 tháng 5\$ — 1 tháng 1\$ — mỗi số 0\$05. Tòa báo ở số 96, phố Pellerin Saigon. Bản-chí xin chào bạn đồng-nghiep mới và chúc bạn được phát đạt và trường thọ.



Mũi TÊN ĐỘC

(NÀ THOẢNG ĐẢI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

X

Ông ta không thể quay cổ được, cũng không thể cử động được, chân tay ông như tê bại. Ông quên hẳn rằng vợ ông đang nằm ngủ bình-lĩnh bên cạnh mình ông. Mãi sau ông ráng sức kêu được một tiếng to :

— Ai cứu tôi với ! . . .

Bà Chánh giật mình ngồi dậy, lay ông, hỏi :

— Này, bố nó ! . . . cái gì thế ? . . . Mê ngủ à ? . . .

Ông thở dài, trong mình như cắt cái gánh nặng, hoảng hốt quay lại hỏi vợ :

— Tôi mê ngủ phải không ?

— Ừ, ông mê ngủ. Nhưng thấy cái gì mà kinh-hãi thế ?

— Tôi cũng chẳng nhớ nữa ; nhưng sợ lắm.

Nói đoạn, ông ta cố cử động cái đầu nặng chình chịch, đưa mắt nhìn lăm-lét các vật trong gian phòng. Dưới ánh đèn tù-mù, những áo sổng vắt trên vách hiện thành những hình bí-mật, cái như lằng-lặng nhìn ông, cái như ghé vào nhau thì thầm nói chuyện, có cái lại gật-gù như đắc-chí. Nhất là cái màn cửa bằng vải đỏ, ông ta nhìn rõ ràng là một vũng máu đào.

Bà Chánh thấy ông nhìn vợ-vẫn một cách sợ-hãi như thế, vỗ vai ông mà bảo rằng :

— Ông nằm xuống mà nghỉ chứ ! Ngồi nhìn cái gì thế ? Trông ông sao hoảng-hốt như người đứng trước lũ kẻ thù vậy ?

— Chính thế đấy, bà mày a. Ta có nhiều kẻ thù lắm. .. Nó chỉ rình giết ta đó thôi.

Nói đoạn vật mình xuống chiếu, nhắm nghiền mắt lại rồi lên tiếng ngáy như bò. Ngủ có say, nhưng không yên giấc, vì chốc-chốc ông ta lại giật mình đánh thót một cái, bà chánh lại phải lay gọi ông.

Ban ngày, ông chẳng để cho ai nhìn mặt ông hết. Nhất là Bạch-Hùng thì ông lại càng không muốn giáp mặt lắm. Mỗi khi anh ta về nghỉ, thì ông hoặc vào buồng nằm, hoặc chạy ra rừng. Nhỡ ra hai người gặp nhau, ông lét nhìn trộm thấy mặt anh ta hình như có vẻ đặc-ý : « La-văn-Đấu đấy ư ? Ta biết. Rồi chú sẽ chết về tay ta ! »

Ông nghĩ mãi không biết xử-trí với Bạch-Hùng thế nào. Đuổi đi ư ? Thì luôn mấy hôm nay chính anh cũng xin ra mãi. Nếu muốn tổng anh ra khỏi nhà, ông

chỉ ừ một tiếng là song. Thế nhưng ông ngờ. Ngờ rằng khi Bạch-Hùng đi khỏi rồi, anh sẽ làm gì ? Anh sẽ đi đâu ? Ông làm thế nào biết rõ được. Bấy giờ ngộ anh ngồi nấp trong bụi cây nào đó, hay bên cạnh khúc đường vắng vẻ, rình ông đi qua, xuất kỳ bất-ý vung dao ra chém hay bắn ra một phát tên nổ, thì ông kịp đâu mà đề-phòng ? giữ lại cũng tội lắm ! Anh ta còn ở trong nhà lúc nào thì ông Chánh còn thấy bóng cái chết lớn-vớn quanh mình, rồi còn là mất ăn mất ngủ. Thế thì tính sao bây giờ ? .. Ông khổ - tâm nghĩ mãi không ra . . . Hay là . . . Ông mới dừng lại cái ý nghĩ này mà đã rùng mình sởn óc. Đời ông mang có một tội sát-nhân đã nặng - nề thay !

Ông ta ngồi không yên, đứng không vững. Đang ở trong nhà vùng chạy ra rừng, rồi đang ở ngoài rừng, bỗng hoảng hốt chạy về như có người đuổi theo. Ông vào buồng đóng sập cửa lại, nằm vật xuống giường. Hồi lâu, khi ông bước ra, bà chánh nhìn lên nét mặt

Ông lại nhận thêm vẻ tiều tụy. Ông gầy sút trông thấy, râu ria đâm ra tua tủa, bà chánh lấy làm lo ngại và thương sót vô cùng. Nhưng hễ bà lại gần vỗ về hỏi truyện, thì ông ru ra đây đây, lắm lúc phát khùng lên mắng rằng:

— Hay bà định do thám cho nó đấy!.... Tránh xa ra.... đứn nào muốn giết tao thì cứ giết đi, không cần phải hỏi lời thôi.

Nói rồi chuệnh choạng xuống thang.

Việc ruộng nương ông mặc quách, chẳng nhìn gì



đến nữa. Mai-Dung phải thay ông, đánh trâu bừa theo với Bạch-Hùng. Hai người lẳng lẳng theo trâu. Nếu ta nghe, thì quanh chỗ hai người làm, chỉ thấy tiếng trâu thở phì phào, tiếng chân người và vật lội bùn lồm bồm, và cái tiếng thúc trâu: đi!..... vặt!..... diệt!..... Cả hai cùng mãi

nghĩ. Sự thay đổi trong gia đình ông chánh Quan thoát sao con mắt tinh khôn của Bạch-Hùng. Anh ta đoán chắc bên trong có sự quan trọng gì xảy ra. Anh lại càng buồn và muốn đi lắm. Nhiều khi anh muốn gọi truyện Mai-Dung để dò xét, nhưng mỗi lần nhìn thấy vẻ mặt cô lo buồn của

cô, anh lại không nỡ tò-mò.

Mai - Dung mọi khi gần anh, trò-truyện vui thế. Bây giờ trái lại, cô rất ít nhời. Tuy không có vẻ gì lãnh-đam hay giận anh, Nhưng sự thay đổi thái độ ấy không khỏi khiến cho anh nghĩ-ngợi. Cô cũng biết thế nên cũng nhiều lần gượng mòi gượng cười, nhưng chỉ được vài câu thì mạch truyện lại đứt. Rồi hai người lại bấm vào cái lặng lẽ bẽ-bàng.

Từ hôm Bạch-Hùng đem câu truyện bí-mật ngỏ cùng cô, đối với anh, lòng cô yêu bao nhiêu thì lại trọng bấy nhiêu. Yêu trọng mà thực lo-sợ cho tương-lai của anh, lắm lúc nghĩ đến những sự dữ-dội có thể xảy ra cho đời Bạch-Hùng, lòng cô đau - đớn bâng-khuâng và tự thương cho đời mình. Cái đau đớn mới nẩy mầm trong lòng cô bỗng thành ra vò-sé, nấu-

nung từ lúc ông Chánh có cái thái - độ kinh - hoảng, thường một mình nói đến tên Bạch-Hùng. Lòng cô nẩy ra sự ngờ vực gớm ghê. Cô càng cố sức sua đuôi, nó càng bám sâu ăn chặt lấy trái tim cô gần vỡ tung ra. Trời ơi ! sự ngờ ấy nếu đích thực thì cuộc đời, cô không những chẳng mong gì nữa, mà còn trở nên một cái khổ-bình. Lắm lúc cô thất vọng quá, đã đưa cặp mắt khàn-thiết nhìn về sự chết như một sự giải - thoát êm đềm. Chết để chấm một nét tận cùng sau những nỗi thương đau. Những lúc Bạch-Hùng nhìn cô, tia mắt êm - ái những tình yêu, thì lòng cô lại thấy cực khổ không bút nào tả siết. Cô muốn van - nài anh ta chớ nhìn cô bằng con mắt ấy, nếu một ngày kia nó sẽ đốt héo lòng cô cái tia lửa căn thù

(Còn nữa)





HOA LƯ' KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN GIẢ : Dương-Rà-Trạc

HỒI THỨ TƯ

XIV

(Tiếp theo)

Bấy giờ trong hạt chỉ còn mấy chục làng giáp về địa phận Hoan-châu là thuộc vào trong vòng thế lực của Đinh-thúc, lúc thì từng phục, lúc thì phản trắc, Đinh-tướng quân kinh lý mãi chưa yên. Nguyên Đinh - thúc thừa trước cũng từng theo anh là quan Cổ thứ-sử (tức là Đinh - công - Trứ, thân phụ Đinh-bộ Lĩnh) ở Châu-Hoan, thông thuộc được hình thế núi sông, am hiểu được nhân dân hào mục ở vùng ấy. Khi quan Cổ thứ-sử mất, thì Đinh thúc bằng-tạ được cái oai thanh của anh, ra bộ quan chủ, người vùng ấy cũng có ý nể vị, bèn lập nghiệp ở đấy, hào trưởng một thung, lại được Lê - Hoàn phò tá với mình cũng là một tay mưu dũng có thừa, kiêu hùng vô địch, ếch ngồi dưới giếng, coi trời bằng vung, vẫn thầy trò tự phụ với nhau: giang sơn nào, anh hùng ấy. Đinh động-chúa trước đã có một lần vào tới nơi thăm chú, xem công việc chú làm ăn thế nào, nhưng Đinh-thúc vốn người biển hiệp đa nghi, tàn nhẫn mà tham lam, hèn ám mà kiêu ngạo, đối với cháu như người dưng nước lã, lại thấy cháu

ra đều có chí khí lớn, có tài lược khá, trong lòng ghen ghét không ưa, Đinh động-chúa lúc vào tới nơi chú ở, thấy chú như thế, biết chẳng ra đồ gì bèn bỏ về quê cũ Hoa-lư ở; đến lúc Đinh-thúc được tin cháu khởi binh xưng là động-chúa thì thẹn quá hóa giận, ra mặt cừu địch ngay, nghe Đinh-động-chúa ủy nhiệm tướng quân Đinh-Điền đi kinh lược các làng, ngầm xúi nhân dân hào mục các làng trong thung mình nhất định không thêm qui-phụ, lại mưu với Lê-Hoàn chiêu binh mãi mã để đánh Đinh động-chúa cướp lấy sơn-động Hoa-lư. Đinh tướng-quân xét biết tình hình như thế nên mật tấu về Đinh động-chúa xin hăng đànb để mấy chục làng đó ra ngoài quyền phép thống trị của mình vậy, nay chỉ cứ việc chứa lương mộ lính, yên phủ các làng đã từng phục, kết tin nghĩa với nhân dân cho thâm hậu, định cơ chỉ trong thuộc hạt cho vững bền, rồi sẽ liệu cơ từ đồ với Đinh-thúc. Động-chúa phúc lời khen phải, truyền cho Đinh tướng-quân y thế mà làm.

Nguyễn tướng-quân hay chuyện Đinh-thúc biệt lập một vùng, ra mặt cùng mình cừu địch, dùng dùng nổi giận, muốn được ăn ngay gan kẻ phản nghịch cho cam lòng, liền tâu với động-chúa rằng:

Dám thừa kha-kha, anh em mình trượng nghĩa bình tàn, thuận ta thì sống, nghịch ta thì chết. Kia Đinh-thúc với kha kha tuy là tình chú cháu, nhưng bụng dạ nhỏ nhen, tính tình kiêu lạn, cả gan nghịch mệnh lắm ác không chừa, em tưởng khoi nước sông Mã mà rửa cũng chẳng hết dơ, chặt tre rừng Ngang mà viết cũng không hết tội; tam-thúc lại nhân nhu cơ tức, khuyên kha kha bỏ mấy chục làng trong vòng thế lực Đinh-thúc mà không đem quân văn tội lần nào, chẳng hóa ra mình chịu hèn quá mà dưỡng ác cho hấn lắm dư? em muốn được kéo mấy ngũ quân vào thẳng giáp đất Hoan-châu cột cổ Đinh-thúc cùng Lê-Hoàn điệu về, tảo huyết lê-đình thu hết giang sơn về một mối là sướng hơn cả.

Bộ-Linh nói:

— Em nóng quá thế không nên, người trong cốt nhục, mình chưa lấy nhân nghĩa chiêu dụ mà chực vội dùng binh lực ngay, tung nhiên có được cũng mang tiếng tàn ác với thiên hạ; vả ta nay nghĩa binh mới nhóm, các làng mới thu phục chưa an tập bình định được bao lâu, mà khinh xuất dụng binh, nhân tâm động rạo, binh lực tổn triệt, thắng toán cũng chưa dễ cầm hãn được ở trong tay; gia - dĩ chú cháu tương tàn, người ta cho mình là tham lợi vong thân, lòng tin phục mình không bền, Đinh-thức có cơ mà vu miệt đồ tội cho mình, không khéo lỡ mất việc lớn; anh em Ngô-hậu-Chúa đương lo khoáng-trương thế lực, nghe trong sơn động mình chú cháu đánh lộn nhau, tiêu tường nhượng họa, tất đem binh vào vãn tội, lấy lại đất này, Đinh-thức vốn ngu tiện vô sỉ, thấy Ngô - vương kéo binh đến chắc đón hàng ngay quân Ngô có nội ứng sẵn sàng, quân ta còn đuối sức khó sao địch nổi; cả giận mất khôn là thế đấy em ạ! Chi bằng ta hăng dưỡng uy sức nhuệ, yên dân luyện quân, đề mặc Đinh-thức nghênh ngang trong rừng rậm: giữ hộ cho ta một khu, dần dần ta lấy tình máu mủ, lấy nghĩa quốc gia hiệu đồ Đinh - thức một lần. hai lần cho cùng nữa đến năm bảy lần, nhất là chú cháu hòa hiệp được thì hay, không thì bấy giờ đợi binh lực ta sung thực rồi, nghĩa thanh rõ rệt, lòng người tin phục rồi, sẽ liệu ra tay cũng chẳng lấy gì làm muộn.

Nguyễn tướng - quân vẫn còn ra giáng hạm hội nin giận lui ra.

HỒI THỨ NĂM

**Lấy Dương-nữ vầy duyên gia thất,
Đánh Lê-Hoàn gây cuộc binh đao**

Cách ít hôm, có quân về báo nói Đinh tướng quân sai đem một đạo mật thư về trình lâu động-chúa, Động-chúa lấy thư mở xem, thư rằng:

« Muôn tâu động-chúa. Em phụng mệnh an tập các làng, công việc cũng đều được xong xuôi trót lọt cả. Nay có một làng ở về giáp giới Hoan-châu, nguyên cũng thuộc về vòng thế lực của Đinh-thúc, người hào trưởng ở làng ấy là tộc trưởng của ông Dương-diên-Nghệ trước, từ khi Dương tiết-độ-sứ bị nạn, ẩn thân ở đấy, làm hào-trưởng trong làng, nhân tình kính sợ, vẫn thường có ý khinh bỉ Đinh-thúc, nay Đinh-thúc chiêu binh tổng lương làng ấy, Dương-tướng không chịu tòng phục mệnh lệnh Đinh-thúc đứng đầu cho người làng cứ không đầu binh nộp lương, đắp lũy lập đồn, đốc trai tráng giữ làng, sợ Đinh-thúc, đem đại binh đến đánh, có sai mấy người kỳ lão trong làng tới quân thứ xin hàng phụ với quân ta, cầu xin cứu viện ; Dương-tướng có người con gái nhan sắc tuyệt đẹp, tình nguyện dâng lên động-chúa cho được hầu hạ khấn mặt lược đầu. Em nghĩ lòng người đã thành tâm qui phụ với mình, không lẽ từ chối ; vả em xem Dương-tướng là giống nhà cửa tướng, quốc thước phi thường, năm nay tuy tuổi đã ngoài bảy mươi, mà nhẩy ngựa đeo cung vẫn còn mạnh dạn hăng hái ra cái khí phách anh hùng lắm ; được một làng, được một tướng, giảm được cái quyền lực của Đinh-thúc, tăng được cái thế của quân ta, em trộm lấy làm nên lắm ; nhất diện em đã phái binh cứu viện, biên sổ ruộng đất hộ - khẩu trong làng, mộ binh gán lương, thi-hành kỷ-luật theo như các làng đã thu phục được trước ; nhất diện xin đưa cái thư này về trình tâu ngự lãm, giữa trông tôn-ý tài-định, bầm cùng hoàng-mẫu, bàn cùng nhị-kha, có nên nạp con gái họ Dương vào cung, thì phúc mệnh cho em để em liệu trả lời Dương-tướng ».

(Còn nữa)

Vì một lẽ riêng nên kỳ này không thể đăng mục văn thơ và mục Chinh phụ ngâm dịch ra pháp văn được. Xin đọc giả lượng biết,

TỰ HỌC TIẾNG QUAN THOẠI

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)

Có phụ thêm

GIỌNG ĐỌC CHỮ NHO CỦA TA
VÀ CHUA NGHĨA BẰNG TIẾNG PHÁP

TÁC - GIẢ :

DƯƠNG - TỰ - NGUYỄN

Tốt nghiệp trường Government Institute of Technology
(Nanyang University) ở Shanghai và đã làm qua giáo-viên ở
mấy trường học bên Tàu

NHỜI NÓI ĐẦU

Tiếng *Quan-thoại* là một thứ tiếng phổ thông trong nước Tàu ; phàm những người thượng lưu và kẻ có học thức đều hiểu biết, dù ít dù nhiều, để giao thiệp với người khác tỉnh. Cũng là một thứ chữ Tàu, nhưng khi đem dùng để nói truyện, thì người mỗi tỉnh dùng chữ mỗi khác. Chỉ chừng khi viết văn bài thì dù người tỉnh nào cũng đều dùng một thứ văn pháp ; cũng vì thế mà văn tự nước Tàu có thể thống nhất được cả toàn quốc, dù tiếng nói và giọng đọc ở các tỉnh có khác nhau mặc dầu.

Tiếng *Quan-thoại* có phần thanh nhã hơn các thứ tiếng khác trong nước Tàu. Trong câu nói phần nhiều dùng những chữ có văn chương và ít tiếng tục như các thứ tiếng khác.

Tiếng *Quan-thoại* cũng có hai giọng : giọng bắc và giọng nam. Giọng bắc có phần cao hơn giọng nam, và có một ít tiếng nói khác với giọng nam. Bởi vậy, những bài học trong mục này, nếu gặp những tiếng khác nhau ấy, đều phải chưa thêm một giọng nữa ở bên cạnh để cho các đọc giả được tiện bề tham khảo.

CHÚ Ý

Chữ quốc-ngữ của ta tuy là một thứ chữ chưa âm vào hạng dễ chưa và dễ đọc thứ nhất, nhưng cái công dụng chỉ để chưa những giọng nói của mình mà thôi ; nếu đem chưa giọng các nước, thì có nhiều giọng không thể chưa cho đúng được.

Vậy xin mượn dùng mấy chữ sau này để chưa cho tiện.

P đọc như giọng *P* của người Pháp.

P' đọc như giọng *P* của người *Ăng-lê*, (khi đọc phải cho phì hơi ra ngoài và môi hơi rung,

S đọc như giọng *S* của người Pháp.

SH đọc như giọng *CH* của người Pháp và như giọng *SH* của người *Ăng-lê*.

TSH đọc như giọng *T* và *SH* của *Ăng-lê* hợp lại (cũng gần như giọng *TH* và *S* của ta hợp lại,

UAN đọc như giọng *U-OAN* của ta hợp lại.



TỰ HỌC TIẾNG QUAN - THOẠI

第一課 ⁽¹⁾ BÀI THỨ 1

Chữ Tả và giọng đọc của ta	Giọng Quan-thoại	Tiếng Annam và tiếng Pháp
一 NHÚT	Í	Một UN (5)
二. 兩 (2) NHỊ, LƯƠNG	Ở-l (3) (ở), lưỡng	Hai DEUX (6)
三 TAM	Sán	Ba TROIS
四 TÚ	Sở (sử)	Bốn QUATRE
五 NGŨ	Ú	Năm CINQ
六 LỤC	Liu	Sáu SIX
七 THẤT	Tshi (4)	Bảy SEPT
八 BÁT	Pa	Tám HUIT (7)

(1) Đọc là *dệ nhứt khóa* (tả í khô) bài học thứ nhứt.

(2) Chữ 二 để phân thứ tự, còn chữ 兩 để đếm nhiều ít; như nói: 二月 tháng hai, 兩個月 hai tháng.

(3) Đọc tiếng ở rồi để đầu lưỡi lên lợi trên.

(4) Đọc giọng *l* và *sh* hợp lại.

(5) Chỉ có mỗi một chữ *un* là có giống cái, viết là *une*.

(6) Chữ *deux*, *six*, *dix* và *neuf* nếu đọc nối vần với chữ dưới bắt đầu bằng chữ nguyên-âm (*voyelle*) thì *x* đọc như giọng *z*, và *f* đọc như giọng *v*; *dix-huit*, *neuf-heures*

(7) Phải viết *le huit*, *le onze*.

九 CỬU	Chíu	Chín NEUF
十 THẬP	Shi (1) (shợt)	Mười DIX
十一 THẬP NHỨT	Shi í	Mười một ONZE
十二 THẬP NHỊ	Shi ớ	Mười hai DOUZE
十三 THẬP TAM	Shi sán	Mười ba TREIZE
十四 THẬP TỨ	Shi sơ	Mười bốn QUATORZE
十五 THẬP NGŨ	Shi ú	Mười lăm QUINZE
十六 THẬP LỤC	Shi liu	Mười sáu SEIZE
十七 THẬP THẤT	Shi tshi	Mười bảy DIX-SEPT
十八 THẬP BÁT	Shi pạ	Mười tám DIX-HUIT
十九 THẬP CỬU	Shi chíu	Mười chín DIX-NEUF
二十 NHỊ THẬP	Ở shi	Hai mươi VINGT
二十一 NHỊ THẬP NHỨT	Ở shí í	Hai mươi mốt VINGT-ET-UN (2)
二十二 NHỊ THẬP NHỊ	Ở shi ớ	Hai mươi hai VINGT DEUX
三十 TAM THẬP	Sán shi	Ba mươi TRENTÉ
四十 TỨ THẬP	Sơ shi	Bốn mươi QUARANTE

(1) Đọc như giọng *ch* của người Pháp. Chữ này có tỉnh đọc là *shợt*.

(2) Nên nhận kỹ có chữ *et* trên chữ *un* và nhớ viết *vingt-et-un*, *trente-et-un*, *quarante-et-un*, *cinquante-et-un*, *soixante-et-un*, *soixante-et-onze*. Bắt đầu từ *quatre-vingt-un* trở lên lại không có chữ *et* nữa.

五十 NGŨ THẬP	Ú shi	Năm mươi CINQUANTE
六十 LỤC THẬP	Liu shi	Sáu mươi SOIXANTE
七十 THẤT THẬP	Tshi shi	Bảy mươi SOIXANTE-DIX
八十 BÁT THẬP	Pạ shi	Tám mươi QUATRE-VINGTS (1)
九十 CỬU THẬP	Chiu shi	Chín mươi QUATRE-VINGT-DIX
一百 NHÚT BÁCH	Í pấy	Một trăm CENT (2)
一百零一 (3) NHÚT BÁCH LINH NHÚT	Í pấy ling í	Một trăm linh một CENT UN
一百一十 (4) NHÚT BÁCH NHÚT THẬP	Í pấy í shi	Một trăm mười CENT DIX
一百一十二 NHÚT BÁCH NHÚT THẬP NHỊ	Í pấy í shi ở	Một trăm mười hai CENT DOUZE
二百二十 NHỊ BÁCH NHỊ THẬP	Ở pấy ở shi	Hai trăm hai mươi DEUX CENT VINGT
一千 NHÚT THIÊN	Í tshiến	Một nghìn MILLE (5)
二千零一十 NHỊ THIÊN LINH NHÚT THẬP	Ở tshiến ling í shi	Hai nghìn linh mười DEUX MILLE DIX

(1) Phải thêm chữ *s* ở đằng sau, vì nó có nghĩa nhân với nhau, chớ không phải đi theo nhau. Nếu có chữ số khác theo sau thì bỏ *s* đi. Cả chữ *cent* cũng vậy. Cho nên ta viết *quatre-vingts* và *quatre-vingt-cinq*; *trois cents* và *trois cent cinquante*.

(2) Không bao giờ viết *un cent*, hay là *un mille*; nhưng ta phải viết là *un million* vì nó là tiếng danh-từ. Ta lại phải viết *un million de francs* cũng vì lẽ ấy.

(3) Chữ 零 tức là để thay cho số không (0) trong chữ số 101. Số 2010 cũng vậy.

(4) Nên chú ý chỗ này có chữ 一 trên chữ 十.

(5) Không bao giờ viết *un mille*. Nếu nói về năm thứ mấy thì viết chữ *mil*, như viết năm 1933 là *l'an mil neuf cent trente-trois*.

一 萬
NHÚT VẠN
十 萬
THẬP VẠN
一 百 萬
NHÚT BÁCH VẠN

Í ượng
Shi ượng
Í pấy ượng

Một muôn
DIX MILLE
Mười muôn
CENT MILLE
Một triệu
UN MILLION

第 二 課 BÀI THỨ 2

來. 上
LAI, THUỜNG

請. 坐
THỈNH, TỌA
作 (做). 在
TÁC, TẠI
從. 爲
TÔNG, VI

不. 是
BẤT, THỊ
買. 賣
MÃI, MẠI
先. 生
TIÊN, SINH

大. 多
ĐẠI, ĐA
貴. 賤
QUÝ, TIỀN

Lày, shảng

Tshing, tshỏ

Tsho, chỏi

Tshùng, uầy

Pù, shị

Mái, mải

Shiễn, shẩn

Tả, tổ

Quầy, tsiễn

Lại, lên (trên)
VENIR, MONTER (EN
HAUT)

Mời, ngồi
INVITER, S'ASSEOIR

Làm, ở
FAIRE, DEMEURER

Theo, (từ) làm (vị)
SUIVRE (À PARTIR DE)
FAIRE, (À CAUSE DE)

Không, phải
NON, OUI

Mua, bán
ACHETER, VENDRE

Trước, sống, (để)
AVANT, VIVRE

(NAITRE)

Nhớn (lớn) nhiều
GRAND, BEAUCOUP

Đắt (sang), rẻ (hèn)
CHER (NOBLE), BON
MARCHÉ (HUMBLE)

(Còn nữa, kỳ sau sẽ tiếp)

TỰ HỌC TIẾNG ẪNG-LÊ

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)
DƯƠNG-TỰ NGUYÊN

BÀI THỨ 23

Conversation with a countryman
NÓI CHUYỆN VỚI MỘT NGƯỜI NHÀ QUÊ

Conversation	<i>khon-vờ-sế-shần</i>	Nói chuyện.
Country	<i>khăn-thờ-ri</i>	Xứ sở, nhà quê.
City	<i>si-thi</i>	Tỉnh thành, thành phố.
Sunrise	<i>sân-ray-si</i>	Lúc mặt trời mọc.
Water	<i>u-ót thờ</i>	Nước.
Land	<i>len</i>	Đất
Railway	<i>rêl-uây</i>	Đường sắt.
Train	<i>thờ-rên</i>	Xe lửa (xe điện).
Kind	<i>khanh</i>	Tử tế (chủng loại)
Regards	<i>ri-gát-si</i>	Lời hỏi thăm.
Are you well ?	<i>a du u-el ?</i>	Anh có mạnh không ?
I am well, thank you	<i>ay em u - el, thánh khiu</i>	Tôi được mạnh, cảm ơn.
Are you all well ?	<i>u du ol u-el ?</i>	Tất cả các anh đều mạnh chứ ? (chỉ nghĩa cả nhà đều mạnh chứ) ?
We are all well, thank you.	<i>U-uy a ol u el, thánh khiu</i>	Chúng tôi đều được mạnh, cảm ơn.
Please come in and sit down.	<i>p'ờ-li-si khâm in en sit đơng.</i>	Mời vào trong ngồi chơi.

Please sit down.	<i>p'ờ-lí-sì sit đơng.</i>	Mời ngồi.
Please take a seat.	<i>p'ờ lí-sì thếc ê sit.</i>	» »
Please sit in the upper seat.	<i>p'ờ-lí-sì sit in th'ơ (đơ) áp-p'ờ sit.</i>	Mời ông ngồi lên ghế trên.
Where have you come from?	<i>hu-e hé-vờ du khâm phờ-rom?</i>	Anh ở đâu mới đến?
I have come from the city.	<i>ay hé vờ khâm phờ-rom th'ơ (đơ) sí-thì.</i>	Tôi mới ở tỉnh về.
You started very early.	<i>du sì-thát-thét ve ri ơ-lì.</i>	Anh bắt đầu đi hồi sớm lắm.
I started at sunrise.	<i>ay sì thát-thét et sân-ray-sì.</i>	Tôi bắt đầu đi hồi mặt trời mọc.
How far is it from here to the city?	<i>hav pha iz it phờ-rom hia thu th'ơ (đơ) sí thì?</i>	Từ đây lên tỉnh bao xa?
It is over 10 kilometres.	<i>it iz ô-vờ then khi-lô-mí-thờ-sì.</i>	Hơn mười ki-lô-mét.
I came the wrong road.	<i>ay khêm th'ơ (đơ) roong rớt.</i>	Tôi đi lầm đường.
Where did you go wrong?	<i>hu-e đit du gô roong?</i>	Anh đi lầm vào chỗ nào?
When I crossed the river I took the wrong road.	<i>hu en ay khờ-ró sì-đờ th'ơ (đơ) ri-vờ ay thúc th'ơ (đơ) roong rớt.</i>	Khi tôi đã qua sông, tôi đi lầm đường.
Please take some tea.	<i>p'ờ lí sì thếc sâm thì</i>	Mời ông sơi nước.
Thank you.	<i>thánh khiu</i>	Xin vâng, cảm ơn ông.
No., thank you.	<i>nô, thánh khiu</i>	Cảm ơn ông, tôi xin vô phép.
When you came to Haiphong, did you come by water or land?	<i>hu-en du khêm thu Haiphong, đit du khêm bai u-ót th'ơ o len?</i>	Khi anh đến Hải-phong, anh đi đường thủy hay đường bộ? (Còn nữa)

Biến canh ○ 更. Thay đổi sửa chữa lại : *Chỉnh lệnh biến canh luôn.* Modifier, réformer.

Biến cố ○ 故. Sự tai nạn xảy tới : *Gặp cơn biến cố.* Malheur imprévu.

Biến chứng ○ 蒸. Một chứng bệnh trẻ con chưa đầy tuổi, thỉnh thoảng lại nóng mình hoặc đi tướt : *Trẻ nó biến chứng, bệnh thường không cần thuốc cũng khỏi.*

Biến chứng ○ 症. Đương chứng bệnh này biến ra chứng bệnh khác : *Mỗi ngày mỗi biến chứng.* Se dit d'une maladie qui évolue.

Biến hình ○ 形. Đổi ra hình thể khác : *Con lằm biến hình ra con ngài.* Se métamorphoser.

Biến hóa ○ 化. Thay đổi hẳn nguyên chất : *Sự học có thể biến hóa được khi chất người ta.* Transformer.

Biến loạn ○ 亂. Sự thịnh linh nổi loạn : *Mấy năm trong nước biến loạn.* Rebellion.

Biến tiết ○ 節. Thay đổi tiết tháo : *Trước là người khảng-khải thế mà nay đến nỗi biến tiết.* Perdre sa force d'âme.

Biến tính ○ 性. Đổi tính : *Sao bây giờ lại biến tính đi như thế.* Changer de caractère.

Biến thông ○ 通. Thay đổi, theo thời : *Mỗi thời mỗi khác phải biết biến thông mới được.* S'adapter aux circonstances.

Biến trá ○ 詐. Thay đổi dối giả : *Con người rất là biến trá.* Rusé, trompeur.

Biến tướng ○ 相. Đổi hẳn ra giáng bộ khác : *Kẻ gian nịnh lại hay khéo biến tướng làm ra bộ thành thực.* Changer sa physionomie, son apparence.

Biến 徧

Biến ○. Khắp. Partout.

Biến báo ○ 報. Báo khắp mọi người biết : *Làm giấy đặt biến báo cho hội-viên trong hội đều biết.* Annoncer à tous.

Biến cáo ○ 告. Báo khắp cho mọi nơi đều biết : *Biến cáo quốc-dân.* Faire connaître à tous.

Biện 辨

Biện ○. 1. Phân biệt sự lý mà bày tỏ với người. — 2. Làm. Discuter. Traiter.

Biện bác ○ 駁. Phân biệt sự lý mà bác bỏ người ta : Hai người biện bác với nhau. Discuter.

Biện chứng ○ 症. Xem mà phân biệt cho biết đích là chứng bệnh gì. Etablir la nature exacte d'une maladie d'après ses symptômes.

Biện công ○ 公. Làm việc công : Ba mươi năm cần mẫn biện công (nói về một ông quan nào). Remplir des fonctions publiques.

Biện hộ ○ 護. Biện luận đề bênh vực cho người có việc ở các tòa án : Nhờ ông luật-sư Mỗ biện hộ cho. Plaider (une cause).

Biện lý ○ 理. 1. Một chức quan ở tòa án giữ việc đề thay mặt công chúng mà tố cáo sự oan khuất và buộc tội kẻ có tội. — 2. Lo liệu xử trí việc gì : Biện lý việc đó rất là thỏa đáng. Procureur de la République.

Biện luận ○ 論. Phân biệt sự lý mà bàn luận : Cùng nhau biện luận về cái lý-thuyết ấy. Discuter.

Biện nạn ○ 難. Cái đi cái lại mãi cho ra lẽ : Bao nhiêu người biện nạn cũng không làm đổ được cái lý-thuyết ấy. Discuter le pour et le contre.

Biện pháp ○ 法. Cái phương-pháp làm việc : Việc ấy chỉ có một biện pháp. Méthode de travail.

Biện sĩ ○ 士. Người biện thuyết giỏi : Tô-Tần Trương-Nghi là hai người biện sĩ về đời chiến-quốc. Orateur.

Biện sự ○ 事. Làm việc : Biện sự chỉ chệ. Faire un travail. Traiter des affaires.

Biện tài ○ 才. Tài biện thuyết : Người có biện tài. Talent oratoire.

Biện thuyết ○ 說. Biện luận giảng diễn : Môn học biện thuyết cũng là một môn học cần ở đời nay. Discourir.

Biện vị ○ 味. Phân biệt các mùi : Ăn mà không biết biện vị.
Discerner les saveurs.

Biện vu ○ 誣. Biện bạch lời người ta vu bậy : Mắc tội oan mà ai là người biện vu cho. Se disculper.

Biên 扁

Biên-thước ○ 鵠. Một ông thầy thuốc giỏi có tiếng ở nước Tàu đời xưa, người sau thường dùng tên ấy để tán tụng ông thầy thuốc hay : Thực là *Biên-thước* phục sinh. Nom d'un célèbre médecin chinois.

Biên 匾

Biên ○. Cái biên treo nhà hoặc trước cửa. Enseigne. Ecriteau.

Biên 褊

Biên ○. Hẹp-hòi chật bó : Người đại biên. Etroit, serré, strict.

Biên lận ○ 吝. Bủn-xỉn : Tính rất biên lận. Avare.

Biên thiên ○ 淺. Hẹp cạn : Kiến thức biên thiên. Etroit et peu profond.

Biên hiệp ○ 狹. Hẹp hòi nhỏ nhen : Người khi lượng biên hiệp, không có bụng khoan dung. Etroitesse d'esprit.

Biên tiếu ○ 小. Hẹp nhỏ : Cục lượng biên tiếu. Etroit et petit.

Biên 騙

Biên ○. Lừa dối : Không khéo thì bị biên đấy. Escroquer. Tromper.

Biên côn ○ 棍. Đưa đi lừa : Ai ngờ người thế mà đồn kiếp đến thành một lừa biên côn. Escroc.

Biên thuật ○ 術. Cách lừa : Đời này nhiều cái biên thuật mới lạ quá. Ruse, tromperie.

Biên-tử ○ 子. Cũng như biên-côn. V. Biên-côn.

Biết 鼈

Biết ○. Con ba-ba, hình tròn, lưng có vỏ cứng gồ lên, ăn thịt nó rất ngon : *Những loài ngư biết. Espèce de tortue d'eau.*

Biệt 別

Biệt ○. 1. Chia ra : *Biệt điều phải điều quấy.* — 2. Xa cách nhau : *Từ khi biệt nhau.* — 3. Riêng, khác : *Ở biệt một nơi. Distin-guer. Séparer. A part.*

Biệt bảo tha danh ○ 保他名. Đổi bầu tên khác : *Mấy người xin ứng cử lý-trưởng, quan đều bác cả bắt phải biệt bảo tha danh. Elire un autre candidat.*

Biệt cư ○ 居. Ở riêng : *Các con đều biệt cư cả. Vivre à part.*

Biệt chi ○ 支. Một chi khác trong các chi họ : *Cùng họ mà biệt chi. Branche différente (d'une même famille).*

Biệt chiếm ○ 占. Chiếm riêng : *Biệt chiếm thái bình. Occuper à part.*

Biệt đãi ○ 待. Tiếp đãi một cách riêng : *Có ý biệt đãi. Traiter (qq. n.) avec des égards particuliers.*

Biệt hạt ○ 轄. Hạt khác : *Các quan phủ huyện có việc gì ở biệt hạt mình phải tư cho quan hạt ấy làm hộ. Territoire différent (de celui placé sous l'autorité d'un fonctionnaire).*

Biệt hiệu ○ 號. Tên đề gọi riêng, ngoài cái tên gọi thường : *Cụ Nguyễn-bỉnh-Khiêm biệt hiệu là Tuyết-giang. Pseudonyme particulier.*

Biệt hữu ○ 有. Có riêng : *Biệt hữu hoài bão. Posséder en propre.*

Biệt lập ○ 立. Đứng riêng ra, không phải tùy thuộc với người khác nữa : *Biệt lập thành một nước. S'établir à part.*

Biệt lệ ○ 淚. Giọt nước mắt thương mến nhau khi xa cách : *Đưa nhau biệt lệ chứa chan. Larmes de séparation.*

Biệt ly ○ 離. Lìa rẽ nhau : *Cái nỗi khổ biệt ly. Séparation.*

Biệt nạp ○ 納. Nộp riêng : *Xin quan cho biệt nạp cái thuế ruộng phụ canh. Verser à part.*

Các nhà đại lý bán Văn - Học - Tập - chí

Ở HANOI

NHAT-NAM, 104, Rue du Chanvre
 CAM-VAN, 10, Rue du Coton
 NAM KY, 17, Bou'evard Francis Garnier
 CAT-THANH 40 Rue du Chanvre
 THUY KY, 98, Rue du Chanvre
 XUONG-KY, 31 Rue des Ferblantiers
 KIM-LONG, 39, Rue Duvillier
 THO-TUONG, 57, Route de Hué
 HOP-THANH, 110, Route de Hué

Ở CÁC TỈNH

BAC-NINH : VAN VIET, 216, Rue Tiền-An
 HAI-DUONG : QUANG HUY, 43, Rue des Cordonniers
 DUONG XUAN, 18, Rue du Commerce
 NAM-DINH : HOI KY, 34, Rue Carreau
 VINH : TAM-KY-THU QUAN
 31, Rue Maréchal Foch
 QUANG-TRI : THÔNG-HOAT THU-QUAN, Rue du
 Marché
 HUE : QUAN HAI, Rue Gia-Long
 DAC-LAP, Rue Paul Bert
 LÊ THANH-TUÂN 107, Rue Paul Bert
 TOURANE : LÊ THUA-AN, Commerçant en face
 de la Gare
 QUI-NHON : HO VAN-BA, Dépositaire des
 Journaux
 FAIFO : CHÂU QUANG-TICH 79, Rue des
 Cantonnais
 PHAN-THIET : QUANG THANG-LOI, Rue Gia-Long
 NHA-TRANG : MONG-LUONG-THU-QUAN
 SAIGON : TIN ĐỨC THU XA,
 37, Rue Sabourain
 IMPRIMERIE DE L'UNION, 13, Rue
 Lucien Mossard
 PHAM-HUU-BINH, 107, Rue d'Espagne
 CAN-THO : IMPRIMERIE DE L'OUEST
 CHO-LON : NGUYEN TAN-TRUNG, 22^{bis}, Rue des
 Tamariniers
 PNOMPENH : TRUONG-XUAN, 25, Quai Piquet

Candidats et candidates !!

VOUS

qui vous présentez bientôt à l'examen du Certificat d'études primaires, n'oubliez pas d'acheter le

RECUEIL DE DICTÉES

données aux examens du Certificat d'études primaires franco-indigènes et aux concours d'admission aux divers établissements d'enseignement primaire supérieur

PAR

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM

Professeur au Lycée du Protectorat à Hanoi



La dictée constitue l'épreuve la plus importante de toutes dans les examens et concours car elle est pratiquement la première épreuve éliminatoire de laquelle dépend très souvent votre sort. Si vous voulez être sûr de subir avec succès cette épreuve, ayez à votre disposition ce "RECUEIL" qui, par la manière dont il est composé (*choix des textes, réponses types et questions supplémentaires, exercices d'application, tableaux synoptiques, modèles d'analyse grammaticale et logique, conseils et indications pratiques*) permet d'acquérir une bonne méthode, d'éviter des écueils et de surmonter les difficultés de cette épreuve.

Un vol. 15 x 21, 168 pages — Prix 0\$45 — port : 0\$16

Les commandes sont reçues chez Dương-Tự-Quán, Directeur de l'Imprimerie Đông-Tây, 193, Rue du Coton Hanoi.

Pour les commandes supérieures à 10 exemplaires, il sera accordé une remise de 10 % et un spécimen gratuit sera offert.

Imprimerie Đông-Tây, Hanoi

Le Gérant: Dương-Tự-Quán